

Số: 316/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 01 tháng 3 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án “Xây dựng và rà soát các chế độ chính sách đối với các hoạt động văn học, nghệ thuật và văn nghệ sỹ; chế độ tài trợ, đặt hàng đối với các tác phẩm văn học, nghệ thuật; chính sách khuyến khích sáng tác trong các hoạt động văn học, nghệ thuật” thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2008 của Bộ Chính trị về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 185/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2008 của Bộ Chính trị về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án “Xây dựng và rà soát các chế độ chính sách đối với các hoạt động văn học, nghệ thuật và văn nghệ sỹ; chế độ tài trợ, đặt hàng đối với các tác phẩm văn học, nghệ thuật; chính sách khuyến khích sáng tác trong các hoạt động văn học, nghệ thuật” với những nội dung chính sau đây:

1. Mục tiêu:

a) Tạo mọi điều kiện thuận lợi để đội ngũ văn nghệ sỹ sáng tạo ra nhiều tác phẩm có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật; phát hiện và khẳng định những giá trị mới làm phong phú và đa dạng đời sống văn hóa, văn nghệ; góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

b) Từng bước hoàn thiện khung pháp lý đối với việc tài trợ, đặt hàng và khuyến khích sáng tác trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật.

c) Xây dựng chính sách đãi ngộ phù hợp, bình đẳng đối với văn nghệ sĩ trong các cơ sở công lập và ngoài công lập, bảo đảm cho văn nghệ sĩ tạo ra các tác phẩm văn học nghệ thuật có chất lượng; thực hiện chủ trương đẩy mạnh xã hội hóa của Đảng và Nhà nước.

d) Có chính sách đào tạo, bồi dưỡng và đãi ngộ đặc biệt với nhân tài của đất nước trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật.

đ) Tôn trọng, phát huy dân chủ, tự do tư tưởng trong hoạt động sáng tạo văn học nghệ thuật, nghiên cứu, sưu tầm để tạo ra các tác phẩm văn học, công trình nghệ thuật, gắn liền với phát huy trách nhiệm công dân của trí thức, văn nghệ sĩ.

e) Cùng cố, đẩy mạnh hoạt động của các Hội văn học, nghệ thuật ở Trung ương và địa phương nhằm nâng cao khả năng tập hợp, phát huy tiềm năng sáng tạo và phát triển đội ngũ văn nghệ sĩ của Hội.

2. Giải pháp:

Tiếp tục sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các chính sách liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến tài trợ, đặt hàng sáng tác các tác phẩm văn học, nghệ thuật, cụ thể như sau:

a) Tổ chức hợp lý các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật.

b) Tăng cường công tác quản lý kinh phí đầu tư, tài trợ, đặt hàng.

c) Sử dụng hiệu quả nguồn ngân sách nhà nước, đẩy mạnh việc xã hội hóa để khuyến khích sáng tác, hỗ trợ và quảng bá các tác phẩm văn học, nghệ thuật.

d) Đổi mới công tác đào tạo, đặc biệt là tài năng trẻ.

đ) Tổ chức các cuộc thi sáng tác, hội thảo khoa học, biểu diễn, trưng bày các tác phẩm văn học, nghệ thuật, trao giải thưởng hàng năm cho các tác phẩm văn học, nghệ thuật có chất lượng cao; quảng bá hợp tác quốc tế, giao lưu và hội nhập với văn học, nghệ thuật thế giới.

e) Nâng cao hiệu quả, vai trò của các Hội văn học, nghệ thuật trong việc tạo điều kiện, khuyến khích sáng tác, đẩy mạnh lý luận phê bình, quảng bá các tác phẩm của nghệ sĩ ở trong và ngoài nước.

Điều 2. Kinh phí thực hiện Đề án từ nguồn ngân sách nhà nước, huy động các nguồn lực xã hội, sự tham gia, đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong nước, quốc tế và các nguồn vốn tài trợ hợp pháp khác. Ngân sách nhà nước được cấp hàng năm theo quy định hiện hành đảm bảo việc thực hiện Đề án với các nội dung đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Nội vụ, Ủy ban Toàn quốc Liên hiệp các Hội văn học nghệ thuật Việt Nam và các cơ quan có liên quan triển khai xây dựng các văn bản điều chỉnh chế độ tài trợ, đặt hàng đối với các tác phẩm văn học, nghệ thuật, chính sách khuyến khích sáng tác đối với văn nghệ sỹ trong các hoạt động văn học, nghệ thuật.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 5. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc C
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Ban Tuyên giáo Trung ương;
- UBTQLH các Hội VHNT Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Công TTĐT, các Vụ: TH, KTTH, ĐP, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KGVX (5b). XH 125

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Thiện Nhân

BỘ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

ĐỀ ÁN

Xây dựng và rà soát các chế độ chính sách đối với các hoạt động văn học nghệ thuật và văn nghệ sỹ. Chế độ tài trợ, đặt hàng đối với các tác phẩm văn học nghệ thuật. Chính sách khuyến khích sáng tác trong các hoạt động văn học nghệ thuật

(Thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2008 của Bộ Chính trị “Về việc tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới”)

HÀ NỘI - 2011

PHẦN THỨ NHẤT

Bối cảnh:

Những năm qua, được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước đối với văn hóa, văn nghệ, cùng những thành tựu của công cuộc đổi mới và quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là cơ sở quan trọng thúc đẩy phát triển văn học, nghệ thuật (VHNT) trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, VHNT và đội ngũ văn nghệ sĩ đã không ngừng phát triển.

Trong bối cảnh hiện nay, xu hướng các quốc gia ngày càng đề cao tính đặc thù, bản sắc văn hóa dân tộc, đồng thời chọn lọc tiếp thu các giá trị tinh hoa văn hóa của nhân loại và tích cực hội nhập quốc tế thì chủ trương đẩy mạnh ngoại giao văn hóa, coi văn hóa là một trong những trụ cột để thúc đẩy hợp tác quốc tế ngày càng được coi trọng.

Hơn 50 năm sau Đề cương văn hóa Việt Nam, ngày 16 tháng 7 năm 1998, Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương khóa VIII đã ra Nghị quyết về “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” trong đó chỉ rõ “văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế-xã hội”. Trong Nghị quyết này, phát triển sự nghiệp VHNT được xác định là một trong 10 nhiệm vụ cụ thể để xây dựng và phát triển nền văn hóa nước ta.

Ngày 16 tháng 6 năm 2008, Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa X) “về tiếp tục xây dựng và phát triển VHNT trong thời kỳ mới” ra đời đánh dấu một bước ngoặt lớn đối với VHNT nước nhà. VHNT, với tư cách là một bộ phận quan trọng và tinh tế của văn hóa được khẳng định là một trong những động lực to lớn trực tiếp góp phần xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội. Trong bối cảnh đất nước đang tiếp tục đổi mới toàn diện hướng tới mục tiêu trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại đến năm 2020, VHNT cũng phải phát triển tương xứng với tầm vóc của dân tộc. Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện nay, những biến đổi trong đời sống kinh tế, chính trị, xã hội đang là những tiền đề, đồng thời là những thách thức cho sự phát triển của VHNT Việt Nam. Đánh giá tình hình VHNT thời gian qua, Nghị quyết 23-NQ/TW chỉ rõ “VHNT Việt Nam có bước phát triển mới, có những biến đổi sâu sắc, những đặc điểm mới, đạt được nhiều thành tựu nhưng cũng còn nhiều hạn chế, yếu kém đan xen nhau”. Tình hình đó đặt ra những vấn đề cần đổi mới, hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách cho VHNT trong bối cảnh của nền kinh tế thị trường, mở cửa, hội nhập quốc tế, nhằm mục tiêu chung là khuyến khích, huy động mọi nguồn lực xã hội cho sự phát triển VHNT, từ khâu sáng tạo, lý luận phê bình, truyền bá đến tiêu thụ văn hoá. Trong đó, việc rà soát, hoàn thiện, xây dựng hệ thống chế độ chính sách đối

với các hoạt động VHNT và văn nghệ sĩ, đầu tư đặt hàng, tài trợ, khuyến khích văn nghệ sĩ sáng tác VHNT, thành lập quỹ sáng tác được coi là khâu đột phá, tạo nên những chuyển biến mang tính đồng bộ, để VHNT phát triển tương xứng với vai trò của mình trong sự nghiệp phát triển văn hoá của thời kỳ mới.

Sự cần thiết xây dựng Đề án:

Thực hiện sự chỉ đạo và phân công của Ban Bí thư, Ban cán sự Đảng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì phối hợp với các Ban cán sự Đảng Bộ, ban, ngành liên quan lập đề án “Xây dựng và rà soát các chế độ chính sách đối với các hoạt động VHNT và văn nghệ sĩ. Chế độ tài trợ, đặt hàng đối với các tác phẩm VHNT. Chính sách khuyến khích sáng tác trong các hoạt động VHNT” trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Phạm vi nghiên cứu của Đề án:

Xây dựng và rà soát chế độ chính sách đặt hàng, tài trợ và khuyến khích sáng tác trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật, bao gồm: văn học, nghệ thuật biểu diễn, điện ảnh, mỹ thuật và nhiếp ảnh.

Đối tượng nghiên cứu của đề án:

Mọi tổ chức, cá nhân thuộc tất cả các thành phần kinh tế có hoạt động liên quan tới lĩnh vực văn học, nghệ thuật, bao gồm: văn học, nghệ thuật biểu diễn, điện ảnh, mỹ thuật và nhiếp ảnh.

PHẦN THỨ HAI

ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG VỀ CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH TÀI TRỢ, ĐẶT HÀNG, KHUYẾN KHÍCH SÁNG TÁC VÀ CÁC QUỸ HỖ TRỢ SÁNG TẠO TRONG LĨNH VỰC VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

I. Chế độ chính sách của Nhà nước đối với hoạt động VHNT hiện nay:

Được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, trong thời gian qua nhiều chính sách, thể chế pháp luật được ban hành nhằm tạo điều kiện hỗ trợ cho phát triển VHNT, khuyến khích văn nghệ sĩ sáng tác trong lĩnh vực VHNT. Một số chiến lược, quy hoạch định hướng của ngành đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt làm cơ sở định hướng cho VHNT phát triển, như Quyết định số 581/QĐ-TTg ngày 6 tháng 5 năm 2009 phê duyệt Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2010; Quyết định số 45/2008/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2008 phê duyệt Quy hoạch phát triển nghệ thuật biểu diễn Việt Nam đến năm 2010. Bên cạnh đó, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành các nghị quyết, chỉ thị... chỉ đạo việc thực hiện nhằm tạo điều kiện phát triển VHNT như: Nghị quyết số 05/2005/NQ-CP ngày 18/4/2005 của Chính phủ về đẩy mạnh công tác xã hội hóa các hoạt động giáo dục, y tế, văn hóa và thể dục thể thao...

Nhằm điều chỉnh các hoạt động trên, nhiều chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về tài trợ, đặt hàng khuyến khích sáng tác trong lĩnh vực VHNT đã được ban hành. Trong đó, bên cạnh các chính sách chung điều chỉnh nhiều ngành, lĩnh vực đã có các chính sách điều chỉnh trực tiếp, chủ yếu đến lĩnh vực tài trợ, đặt hàng khuyến khích sáng tác trong lĩnh vực VHNT bao gồm 10 luật; 16 nghị định; 10 quyết định; 02 chỉ thị, 11 thông tư (có danh mục các văn bản quy phạm pháp luật đính kèm).

Trong thời gian qua, các văn bản trên đã góp phần quan trọng và có tác động tích cực đối với phát triển VHNT, khuyến khích văn nghệ sĩ sáng tác, lý luận phê bình và biểu diễn. Đảng, Nhà nước luôn coi văn nghệ sĩ là lực lượng xung kích trên lĩnh vực VHNT, các chính sách khuyến khích đối với văn nghệ sĩ đã được bổ sung, cập nhật. Nhiều chính sách đã đi vào cuộc sống là nguồn động viên đối với văn nghệ sĩ. Bên cạnh các chính sách trên, nhiều giải pháp đồng bộ đã thực hiện tạo điều kiện cho VHNT phát triển. Hàng năm, ngân sách nhà nước dành cho phát triển văn hóa đều tăng, trong đó có văn học nghệ thuật. Chương trình mục tiêu Quốc gia về văn hóa từ năm 2001 đến nay với mức hỗ trợ khoảng 400 đến 500 tỷ đồng mỗi năm đã góp phần tích cực để bảo tồn, phát huy các giá trị VHNT truyền thống, từng bước hiện đại hóa và hội nhập ngành điện ảnh. Các chính sách và giải pháp trên đã tạo động lực xã hội hóa các hoạt động VHNT theo định hướng của Đảng và Nhà nước. Tuy nhiên, trong bối cảnh xã hội ngày càng phát triển và hội nhập, VHNT có tính cạnh tranh gay gắt, những tác phẩm

VHNT ra đời cần phải được đầu tư cả vật chất và tinh thần (đội ngũ và cơ sở hoạt động) để đáp ứng nhu cầu thụ hưởng các giá trị VHNT của nhân dân ngày càng cao. Do vậy, cần có một chính sách chung về tài trợ, đặt hàng và khuyến khích sáng tác các tác phẩm VHNT bên cạnh việc bổ sung, sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành cho phù hợp với yêu cầu của tình hình thực tế hiện nay.

II. Chính sách tài trợ, đặt hàng các tác phẩm VHNT:

1. Thực trạng:

Hiện nay, chính sách tài trợ, đặt hàng sáng tác các tác phẩm VHNT của Nhà nước được quy định đối với một số lĩnh vực chuyên ngành như xuất bản (bao gồm tài trợ, đặt hàng các tác phẩm văn học), điện ảnh (bao gồm các quy định về sản xuất và cung ứng các sản phẩm, dịch vụ công ích và thông qua chính sách hỗ trợ sáng tạo cho các Hội VHNT chuyên ngành trung ương và địa phương theo Quyết định số 926/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ).

Trong lĩnh vực **xuất bản**, chính sách tài trợ, đặt hàng sáng tác các xuất bản phẩm (trong đó có tác phẩm văn học) được quy định tại Luật Xuất bản số 30/2004/QH11, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xuất bản số 12/2008/QH12, Nghị định số 111/2005/NĐ-CP và Nghị định số 11/2009/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Xuất bản như sau: “Nhà nước có chính sách đặt hàng đối với xuất bản phẩm về lý luận, chính trị; xuất bản phẩm phục vụ thiếu niên, nhi đồng, đồng bào dân tộc thiểu số, người khiếm thị; xuất bản phẩm cần phổ biến rộng rãi nhằm phục vụ nhiệm vụ chính trị, xã hội trọng yếu và thông tin đối ngoại; xuất bản phẩm phục vụ nhiệm vụ thông tin đối ngoại; xuất bản phẩm phục vụ đồng bào miền núi, hải đảo”; “Nhà nước mua bản thảo đối với những tác phẩm có giá trị nhưng thời điểm xuất bản chưa thích hợp hoặc đối tượng sử dụng hạn chế; hỗ trợ mua bản quyền đối với tác phẩm trong nước và nước ngoài có giá trị phục vụ phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội”. “Hàng năm, Bộ Thông tin và Truyền thông duyệt danh mục xuất bản phẩm thuộc diện đặt hàng, mua bản thảo và hỗ trợ mua bản quyền đối với nhà xuất bản trung ương; Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương duyệt danh mục xuất bản phẩm thuộc diện đặt hàng, mua bản thảo và hỗ trợ mua bản quyền đối với nhà xuất bản địa phương”.

Trong lĩnh vực **điện ảnh**, chính sách tài trợ, đặt hàng tác phẩm điện ảnh được quy định tại Luật Điện ảnh số 62/2006/QH11, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh số 31/2009/QH12 và Nghị định số 96/2007/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Điện ảnh số 62/2006/QH11 như sau: “Nhà nước đặt hàng sản xuất phim truyện về đề tài thiếu nhi, truyền thống lịch sử, dân tộc thiểu số; phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình”. “Đối với phim sử

dụng ngân sách nhà nước, chủ đầu tư dự án sản xuất phim phải thành lập Hội đồng thẩm định kịch bản; được quyết định hình thức đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu để lựa chọn dự án sản xuất phim, bảo đảm chất lượng tác phẩm và hiệu quả kinh tế-xã hội.

Ngoài hai lĩnh vực trên, các lĩnh vực VHNT chuyên ngành khác hiện chưa có quy định cụ thể về chính sách tài trợ, đặt hàng của Nhà nước. Hàng năm, các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành đầu tư thực hiện các tác phẩm công trình VHNT ở các chuyên ngành này thông qua hoạt động sự nghiệp thường xuyên. Ví dụ, hàng năm, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao chỉ tiêu kế hoạch và kinh phí cho các nhà hát Trung ương để xây dựng vở diễn mới, tổ chức biểu diễn phục vụ công chúng có bán vé hoặc dưới dạng hợp đồng có thu, giao cho các Trung tâm tổ chức các triển lãm mỹ thuật, nhiếp ảnh... Ở địa phương hoạt động cũng tương tự như vậy.

Bên cạnh các quy định theo lĩnh vực chuyên ngành, chính sách tài trợ, đặt hàng của Nhà nước còn thể hiện ở các văn bản quy định về sản xuất, cung ứng các sản phẩm, dịch vụ công ích như Nghị định số 31/2005/NĐ-CP ngày 11/3/2005 của Chính phủ quy định về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích, Quyết định số 256/2006/QĐ-TTg ngày 9/11/2006 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch thực hiện sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích, Quyết định số 39/2008/QĐ-TTg ngày 14/3/2008 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng Ngân sách Nhà nước. Các văn bản này quy định về tiêu chí, danh mục các sản phẩm, dịch vụ sử dụng ngân sách nhà nước phải được sản xuất và cung ứng theo hình thức đấu thầu, đặt hàng hoặc giao kế hoạch. Nghị định số 31/2005/NĐ-CP quy định «xuất bản sách giáo khoa, sách và tạp chí phục vụ giảng dạy và học tập; xuất bản bản đồ, sách, báo chính trị; xuất bản tạp chí, tranh ảnh, sách báo phục vụ đồng bào dân tộc thiểu số; sản xuất phim thời sự, tài liệu, khoa học, phim cho thiếu nhi» được thực hiện theo phương thức đặt hàng hoặc giao kế hoạch, «sản xuất phim truyện do Nhà nước đặt hàng hoặc tài trợ» được thực hiện theo phương thức đấu thầu hoặc đặt hàng. Quyết định số 39/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định «sáng tác, dựng vở và biểu diễn các chương trình nghệ thuật phục vụ nhiệm vụ của Nhà nước; sáng tác biên soạn sách, báo tạp chí và các ấn phẩm văn hóa phục vụ nhiệm vụ của Nhà nước...» thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện đấu thầu, đặt hàng.

Chính sách tài trợ, đặt hàng sáng tác các tác phẩm VHNT cũng được thể hiện ở chính sách **hỗ trợ sáng tạo** của Nhà nước đối với các Hội VHNT. Ngày 6 tháng 7 năm 2006, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 926/QĐ-TTg về việc “phê duyệt đề án tiếp tục hỗ trợ hoạt động sáng tạo tác phẩm, công trình VHNT, báo chí ở Trung ương và các Hội VHNT địa phương; hỗ trợ tác phẩm báo chí

chất lượng cao ở địa phương giai đoạn 2006-2010”. Hỗ trợ hoạt động sáng tạo VHNT, báo chí theo cơ chế Nhà nước đặt hàng thông qua các Hội VHNT chuyên ngành trung ương; hỗ trợ hoạt động sáng tạo VHNT cho các địa phương thông qua các Hội VHNT địa phương và Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội VHNT Việt Nam; hỗ trợ hoạt động sáng tạo tác phẩm báo chí chất lượng cao ở địa phương thông qua các Hội Nhà báo ở địa phương. Ngân sách Nhà nước bố trí ổn định kinh phí 210 tỷ đồng trong giai đoạn 2006-2010 để các Hội VHNT từ trung ương đến địa phương thực hiện hỗ trợ sáng tạo cho các tác giả sáng tác tác phẩm VHNT và báo chí với những mục tiêu cụ thể như sau:

- Hỗ trợ các hoạt động sáng tạo trong các lĩnh vực văn học, mỹ thuật, âm nhạc, sân khấu, điện ảnh, kiến trúc, nhiếp ảnh, múa, văn nghệ dân gian, văn nghệ các dân tộc thiểu số, báo chí ở Trung ương và các Hội VHNT địa phương cho các đề tài phản ánh:

+ Về lịch sử, về các thời kỳ kháng chiến cứu nước, truyền thống văn hoá dân tộc.

+ Công cuộc đổi mới xây dựng và bảo vệ đất nước, những nhân tố tích cực, những con người tiêu biểu trong xã hội, của thời đại.

+ Thiếu niên, nhi đồng, dân tộc thiểu số.

- Hỗ trợ sáng tạo để có những tác phẩm công trình có chất lượng cao; hỗ trợ tác phẩm, công trình có chất lượng cao nhưng chưa được đầu tư.

- Hỗ trợ tác phẩm báo chí chất lượng cao ở địa phương tập trung vào các đề tài lớn.

Kinh phí hỗ trợ được chia theo tỷ lệ cho các nhóm việc:

+ Hỗ trợ cho tác giả, nhóm tác giả chiếm từ 20% đến 30%

+ Mở trại sáng tác, hội nghị tập huấn, thâm nhập thực tế từ 25% đến 30%

+ Công bố tác phẩm từ 20% đến 25%

+ Chi tổ chức thẩm định khoảng 10%

Các Nội dung hỗ trợ trong 5 năm (2006-2010):

STT	Nội dung hỗ trợ	Số lượng
1	Tổ chức Trại sáng tác, nghiên cứu, sưu tầm VHNT	1660
2	Tổ chức lớp tập huấn	1.080
3	Tổ chức hội thảo	1.240
4	Lớp bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn sáng tác, nghiên cứu, sưu tầm VHNT	1.120

5	Hỗ trợ công bố tác phẩm	4.670
6	Tổ chức triển lãm (mỹ thuật, nhiếp ảnh)	1.540
7	Số đầu sách xuất bản	4.898
8	Các công trình nghiên cứu, sưu tầm, biên soạn	4.080
9	Số đoàn và tác giả đi thâm nhập cuộc sống sáng tác	1.216đoàn/14.660người
10	Tác giả, nhóm tác giả được hỗ trợ	12.860

2. Những kết quả đạt được:

2.1. Chính sách tài trợ, đặt hàng của Đảng và Nhà nước đã kích thích sự sáng tạo của văn nghệ sĩ, neo giữ và quy tụ các văn nghệ sĩ vào một mục tiêu sáng tạo chung, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, góp phần vào công cuộc đổi mới của Đảng và Nhà nước.

Chính sách tài trợ, đặt hàng các tác phẩm VHNT đã góp phần bảo tồn những giá trị VHNT của Việt Nam qua các thời kỳ từ đấu tranh giải phóng dân tộc đến giai đoạn hoà bình độc lập và phát triển đất nước... Những cuốn sách, những bộ phim... được Nhà nước tài trợ, đặt hàng là kho tài sản và tài liệu vô giá của quốc gia để lại cho các thế hệ mai sau, giúp họ hiểu hơn về lịch sử phát triển dân tộc. Đồng thời, chính sách tài trợ, đặt hàng và hỗ trợ sáng tạo các tác phẩm VHNT đã góp phần khuyến khích văn nghệ sĩ tạo ra những tác phẩm VHNT chất lượng cao, quy tụ lực lượng văn nghệ sĩ vào mục tiêu sáng tạo để phục vụ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, từ đó góp phần vào công cuộc đổi mới của Đảng và Nhà nước. Việc Nhà nước tài trợ cho hoạt động sáng tạo của các văn nghệ sĩ đã tạo điều kiện cho các Hội VHNT Việt Nam hoạt động đúng hướng, đúng chức năng khuyến khích văn nghệ sĩ trong cả nước có nhiều tác phẩm VHNT phục vụ nhân dân trong cơ chế thị trường, góp phần nâng cao đời sống tinh thần trong nhân dân, góp phần ổn định xã hội và thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước.

2.2. Các tác phẩm VHNT do Nhà nước tài trợ, đặt hàng là những tác phẩm đạt chất lượng tư tưởng nghệ thuật tốt, được tạo điều kiện phổ biến tới mọi tầng lớp nhân dân để phát huy vai trò định hướng nhận thức, giáo dục thẩm mỹ, là phương tiện hữu hiệu để tuyên truyền chủ trương đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, là cầu nối của hợp tác kinh tế và hữu nghị giữa các dân tộc.

Các tác phẩm VHNT Nhà nước tài trợ, đặt hàng được đầu tư công phu, có chất lượng tư tưởng nghệ thuật tốt, đã có những ảnh hưởng nhất định trong việc định hướng nhận thức, giáo dục đối với công chúng. Vì vậy, tài trợ, đặt hàng tác

phẩm VHNT để phục vụ công tác quản lý xã hội của Nhà nước là cần thiết và đúng đắn.

Trong thời gian qua trên lĩnh vực văn học, thông qua chính sách đặt hàng xuất bản phẩm và hỗ trợ sáng tạo các tác phẩm VHNT, nhiều bộ sách có giá trị lớn của nền văn học Việt Nam đã được thực hiện như: Văn học Việt Nam thế kỷ XX, Tổng tập ngàn năm văn hiến Thăng Long... Nhiều tác phẩm được Giải thưởng Nhà nước đợt 1 và đợt 2, được nhận giải thưởng hàng năm của Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội VHNT Việt Nam, của Hội Nhà văn Việt Nam. Trong 4 năm trở lại đây, đã có hàng trăm tác phẩm gồm tiểu thuyết, tập truyện ngắn, tập thơ và trường ca, lý luận phê bình được in ấn có chất lượng tạo nên một sinh khí mới cho các hoạt động sáng tạo. Các nhà văn ở các vùng sâu, vùng xa, nhà văn dân tộc thiểu số, các nhà văn gặp hoàn cảnh khó khăn về kinh tế được đầu tư kinh phí để đi thực tế sáng tác và hoàn thành tác phẩm.

Trong lĩnh vực điện ảnh, các bộ phim truyện nhựa do Nhà nước đặt hàng trong thời gian gần đây như: bộ phim “Kí ức Điện Biên” (năm 2004- đạo diễn Đỗ Minh Tuấn), “Nguyễn Ái Quốc ở Hồng Kông” (năm 2002- đạo diễn Khắc Lợi), “Đừng đốt” (năm 2008- đạo diễn NSND Đặng Nhật Minh) có đề tài chính về giai đoạn chiến tranh, cách mạng. Thông qua những bộ phim này, công chúng được hiểu thêm cuộc đời hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh, về cuộc chiến tranh cách mạng hào hùng của dân tộc. Những phim Nhà nước tài trợ hàng năm ở các thể loại phim truyện, phim tài liệu và khoa học, phim hoạt hình đều là những tác phẩm có chất lượng nghệ thuật tốt, là lực lượng chính tham gia các giải thưởng điện ảnh trong nước và quốc tế với những đề tài chủ yếu về công cuộc đổi mới xây dựng đất nước, dân tộc các vùng miền và thiếu nhi.

Thông qua chính sách hỗ trợ sáng tạo các tác phẩm VHNT theo Quyết định số 926/QĐ-TTg, nhiều tác phẩm VHNT đã ra đời phản ánh sinh động cuộc sống con người trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước. Các tác phẩm VHNT cũng phát huy vai trò là cầu nối hữu nghị giữa Việt Nam và các nước trên thế giới thông qua các cuộc triển lãm quốc tế, các hoạt động giao lưu văn hóa quốc tế.... Trong điều kiện Việt Nam mở rộng quan hệ hợp tác song phương và gia nhập các tổ chức khu vực và quốc tế như ASEAN, ASEM, APEC, WTO ..., việc sử dụng các tác phẩm VHNT mang đậm bản sắc văn hóa Việt Nam đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển các mối quan hệ quốc tế.

2.3. Chế độ chính sách đối với VHNT đã xây dựng được một đội ngũ văn nghệ sĩ giữ gìn được bản sắc truyền thống và đội ngũ văn nghệ sĩ dân tộc ít người

Việc Nhà nước đầu tư kinh phí cho hoạt động sáng tạo, nghiên cứu, sưu tầm tác phẩm, công trình VHNT trên các lĩnh vực, đặc biệt chú trọng tới VHNT truyền thống, dân tộc ít người trong thời gian qua đã thực sự tạo ra luồng sinh

khí mới cho giới VHNT cả nước. Nhiều tác giả trên lĩnh vực VHNT truyền thống, dân tộc ít người được đầu tư đã thực hiện được những tác phẩm theo hoài bão và sở trường của mình. Về nội dung, các tác phẩm được đầu tư đã đi vào các đề tài cách mạng, kháng chiến, lịch sử dân tộc và công cuộc đổi mới. Sáng tác cho thiếu nhi đã có nhiều khởi sắc. Về thể loại, nhờ có kinh phí đầu tư đã giúp được một phần các loại hình đang gặp khó khăn như tiểu thuyết, phim hoạt hình cho thiếu nhi, các bộ môn sân khấu cổ truyền, nhạc giao hưởng... Sáng tác về đề tài dân tộc ít người, vùng sâu, vùng xa đã có quy mô rộng lớn hơn, nhiều tác giả có thể chuyên tâm sáng tác về đề tài này. Một điều rất đáng lưu tâm trong giai đoạn đầu tư của Chính phủ thời gian qua là đã bắt đầu hình thành một đội ngũ tác giả người dân tộc, giảm khoảng cách nghề nghiệp giữa trung ương và các tỉnh, thành phố, các vùng miền, tạo sự đoàn kết, nhất trí trong giới, gắn kết sáng tạo với định hướng của Đảng, Chính phủ.

3. Những hạn chế:

- Chính sách chưa thể hiện rõ quan điểm của Nhà nước khuyến khích tài trợ, đặt hàng các tác phẩm VHNT thuộc tất cả các lĩnh vực
- Việc đầu tư sáng tác những tác phẩm có khả năng đạt chất lượng nghệ thuật cao còn hạn chế, chưa mạnh dạn đầu tư cho những tác giả, tác phẩm tốt
- Chính sách hỗ trợ sáng tạo theo Quyết định số 926/QĐ-TTg chưa đạt hiệu quả cao
- Hoạt động của các báo tạp chí, nhà xuất bản của các Hội VHNT chuyên ngành trung ương rất khó khăn

4. Nguyên nhân:

4.1. Hiện nay, chính sách tài trợ, đặt hàng các tác phẩm VHNT mới chỉ được ban hành trong lĩnh vực xuất bản, điện ảnh, thông qua chính sách hỗ trợ sáng tạo các tác phẩm VHNT đối với các Hội VHNT và các văn bản về sản xuất và cung ứng các sản phẩm, dịch vụ công ích. Chưa có một văn bản chính thức của Nhà nước quy định về tài trợ, đặt hàng chung cho các lĩnh vực VHNT. Do việc tài trợ, đặt hàng mới chỉ được quy định đối với một số chuyên ngành VHNT cụ thể, nhiều chuyên ngành chưa có quy định về tài trợ, đặt hàng tác phẩm VHNT như: mỹ thuật, nghệ thuật biểu diễn, nhiếp ảnh... nên chưa thể hiện rõ quan điểm của Nhà nước khuyến khích tài trợ, đặt hàng các tác phẩm VHNT thuộc tất cả các lĩnh vực. Đặc biệt, một số lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn như sân khấu truyền thống có nguy cơ thất truyền vì không có người tham gia.

4.2. Đối với các lĩnh vực đã có quy định về tài trợ, đặt hàng như điện ảnh, xuất bản: kinh phí tài trợ, đặt hàng thực hiện các tác phẩm hàng năm được bố trí chưa đáp ứng đủ nhu cầu thực tế, việc đầu tư sáng tác những tác phẩm có khả năng đạt chất lượng nghệ thuật cao còn hạn chế, chưa mạnh dạn đầu tư cho

những tác giả, tác phẩm tốt. Do kinh phí tài trợ, đặt hàng có hạn, việc phân bổ kinh phí vẫn còn mang tính chất bình quân.

4.3. Đối với chính sách hỗ trợ sáng tạo theo Quyết định số 926/QĐ-TTg, về nhận thức nhiều Hội và cá nhân quan niệm số kinh phí này là của chung, phân chia mỗi người hưởng một ít, do đó việc đầu tư sáng tác còn dàn trải, phong trào rộng nhưng không sâu. Bên cạnh đó, mặc dù đã qua nhiều năm thực hiện công tác hỗ trợ sáng tạo VHNT cho các Hội VHNT, song đối với các Hội VHNT ở trung ương thì điều kiện tiếp nhận có thuận lợi hơn, nhưng đối với các Hội VHNT địa phương còn nhiều bất cập. Tại nhiều tỉnh, các Hội VHNT không được tiếp nhận đầy đủ toàn bộ kinh phí theo kế hoạch phân bổ của Bộ Tài chính. Sau khi đã có ý kiến từ Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (trước kia là Bộ Văn hoá và Thông tin) và Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội VHNT Việt Nam, ngân sách cấp cho các Hội mới được giải quyết. Thực tế từ việc xem xét đánh giá kết quả thực hiện nguồn kinh phí hỗ trợ sáng tạo VHNT hiện nay còn có những vấn đề sau:

Một số tỉnh, thành do quán triệt và hiểu chưa đúng chủ trương của Đảng, quyết định của Thủ tướng Chính phủ nên việc chấp hành và thực hiện chưa thực sự nghiêm túc.

Một số Hội VHNT (chủ yếu là các Hội VHNT địa phương) tiếp nhận kinh phí theo kế hoạch phân bổ của Trung ương dành cho các Hội VHNT địa phương, phân bổ có tính chất cào bằng hoặc cá biệt lấy kinh phí này phục vụ cho việc tổ chức sinh hoạt Hội.

4.4. Báo tạp chí, nhà xuất bản là cơ quan ngôn luận của giới VHNT, thực hiện nhiệm vụ chính trị, xã hội, nghề nghiệp do Đảng lãnh đạo và Nhà nước quản lý. Trong những năm qua, kinh phí hoạt động của các báo tạp chí, nhà xuất bản của các Hội VHNT chuyên ngành trung ương rất khó khăn, một số báo, tạp chí được hỗ trợ một phần nhỏ từ ngân sách nhà nước. Ví dụ Tạp chí Diễn đàn Văn nghệ Việt Nam được hỗ trợ 50 triệu đồng/năm trong khi kinh phí cần thiết để duy trì tạp chí này là 400 triệu đồng/năm. Do kinh phí hoạt động hiện nay hết sức khó khăn, nhiều báo tạp chí, nhà xuất bản của một số Hội VHNT chuyên ngành trung ương và các Hội VHNT địa phương đang đứng trước nguy cơ phải ngừng hoạt động.

4.5. Các tác phẩm VHNT chưa có kinh phí để giới thiệu quảng bá trên các phương tiện thông tin đại chúng, thiếu cạnh tranh thông tin trong cơ chế thị trường.

III. Chính sách đầu tư khuyến khích sáng tác trong các hoạt động VHNT:

Chính sách đầu tư khuyến khích sáng tác trong các hoạt động VHNT của Nhà nước được thể hiện ở các chính sách cụ thể sau:

1. Chính sách tiền lương và phụ cấp:

Từ năm 2004, thực hiện chính sách cải cách tiền lương, Nhà nước đã ban hành một số văn bản quy định tiền lương đối với các nghệ sĩ hoạt động trong lĩnh vực VHNT, gồm:

1) Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang, đã quy định:

* Thang, ngạch lương của nghệ sĩ:

- Biên tập, biên kịch, biên dịch (ngạch cao cấp, ngạch chính, ngạch viên);
- Đạo diễn (ngạch cao cấp, ngạch chính, ngạch viên);
- Họa sĩ (ngạch cao cấp, ngạch chính, ngạch viên);
- Diễn viên (hạng I, hạng II, hạng III);
- Quay phim (ngạch cao cấp, ngạch chính, ngạch viên);

* Các chế độ phụ cấp:

a) Quyết định số 180/2006/QĐ-TTg ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề và bồi dưỡng đối với lao động biểu diễn nghệ thuật ngành văn hóa- thông tin.

- Chế độ phụ cấp ưu đãi nghề (diễn viên), có 2 mức: 20% và 30% so với bậc lương và phụ cấp tiền lương.

- Bồi dưỡng tập luyện, có 3 mức: 20.000 đồng/ ngày đối với diễn viên đóng vai chính; mức 15.000 đồng/ ngày đối với diễn viên đóng vai chính thứ; mức 10.000 đồng/ ngày đối với diễn viên đóng vai phụ và phục vụ.

- Bồi dưỡng biểu diễn, có 3 mức: mức 50.000 đồng/ buổi diễn đối với diễn viên đóng vai chính, chỉ đạo nghệ thuật; mức 40.000 đồng/ buổi diễn đối với diễn viên đóng vai chính thứ; mức 20.000 đồng/ buổi diễn đối với diễn viên đóng vai phụ, phục vụ và các nhân viên khác (kể cả trưởng, phó đoàn, cấp dưỡng).

b) Thông tư số 26/2006/TT-BVHTT ngày 21 tháng 2 năm 2006 của Bộ Văn hóa-Thông tin (trước đây) hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp độc hại, nguy hiểm và bồi dưỡng bằng hiện vật đối với cán bộ, công chức, viên chức ngành văn hóa, thông tin.

- Mức phụ cấp, có 3 mức:

- + Mức 4: hệ số 0,4 so với mức lương tối thiểu
- + Mức 3: hệ số 0,3 so với mức lương tối thiểu
- + Mức 2: hệ số 0,2 so với mức lương tối thiểu

2) Quyết định số 82/2005/QĐ-TTg ngày 18 tháng 4 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ ưu đãi đối với học sinh, sinh viên các bộ môn nghệ thuật truyền thống và đặc thù trong các trường văn hóa - nghệ thuật, gồm:

- Giảm học phí, có 2 mức: giảm 70% đối với học sinh, sinh viên học ngành tuồng, chèo, cải lương, múa hát cung đình; Giảm 50% học phí đối với học sinh, sinh viên học ngành xiếc và múa.

- Bồi dưỡng nghệ, có 3 mức: mức 40% suất học bổng khuyến khích toàn phần/tháng áp dụng đối với học sinh, sinh viên học chuyên ngành: tuồng, chèo, cải lương, múa hát cung đình, xiếc, thanh nhạc, nhạc hơi và múa; mức 30% suất học bổng khuyến khích toàn phần/tháng áp dụng đối với học sinh, sinh viên chuyên ngành quay phim, mỹ thuật; mức 20% suất học bổng khuyến khích toàn phần/tháng áp dụng đối với học sinh, sinh viên chuyên ngành nhạc dây, nhạc gõ và các bộ môn chuyên ngành khác của điện ảnh.

- Chế độ trang bị học tập đối với học sinh, sinh viên chuyên ngành: tuồng, chèo, cải lương, múa hát cung đình, xiếc, múa và mỹ thuật.

3) Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập.

Chính sách tiền lương hiện nay có những mặt tích cực và hạn chế như sau:

Tích cực:

- Ban hành được thang, ngạch, bậc lương cho một số đối tượng hoạt động văn hóa nghệ thuật.

- Ban hành một số chế độ phụ cấp mang tính đặc thù của một số đối tượng hoạt động văn hóa nghệ thuật.

- Hàng năm đã điều chỉnh hệ số lương tối thiểu chung, đã góp phần cải thiện đáng kể thu nhập của đối tượng hoạt động văn hóa nghệ thuật.

- Giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đã giúp cho đơn vị sự nghiệp hoạt động văn hóa nghệ thuật được chủ động hơn trong việc tạo nguồn thu hợp pháp để nâng cao và cải thiện đời sống cho lao động hoạt động văn hóa nghệ thuật.

Hạn chế và nguyên nhân:

- Hệ số các bậc lương thiết kế của ngạch diễn viên, quay phim thấp hơn một số hệ số bậc lương của một số ngạch trong bảng lương viên chức nhà nước.

- Bảng lương Diễn viên hạng III (bảng lương viên chức loại B) chưa hợp lý, vì bảng lương này dùng chung cho các trình độ: đại học, cao đẳng, trung học.

- Do tính chất và đặc thù của hoạt động của diễn viên là tuổi nghề ngắn, nhưng bảng lương của diễn viên lại thiết kế như bảng lương của các viên chức thuộc ngành nghề khác và thiết kế theo 3 hạng: diễn viên hạng I (cao cấp), diễn viên hạng II (ngạch chính), diễn viên hạng III (cán sự). Vì vậy, nếu muốn nâng ngạch lương thì phải đạt đủ tiêu chuẩn theo quy định và thi nâng ngạch, trong lúc đó hệ thống đào tạo nghề Xiếc và Múa mới chỉ có trường đào tạo trình độ Cao đẳng, chưa có hệ Đại học, do đó không có tính khả thi và đây là một bất hợp lý tồn tại từ nhiều năm, nên gây bức xúc trong đội ngũ diễn viên.

- Chưa có bảng lương cho các chức danh hoạt động văn hóa nghệ thuật như: nhạc sĩ, nhà văn... Các chức danh này hiện áp dụng bảng lương viên chức của chức danh công việc được giao như: biên tập, chuyên viên...

- Do đặc thù của diễn viên chủ yếu là biểu diễn nghệ thuật và năng khiếu nghệ thuật; trình độ đào tạo khác nhau nên việc tổ chức thi nâng ngạch cho diễn viên theo quy định gặp khó khăn như: xác định khả năng chuyên môn, trình độ đào tạo, tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ theo quy định và nội dung thi nâng ngạch cho từng loại hình diễn viên. Vì vậy, nhiều năm qua chưa tổ chức thi nâng ngạch cho diễn viên.

2. Chính sách bảo hiểm xã hội:

2.1. Tuổi lao động:

Do đặc điểm đào tạo diễn viên và tính đặc thù về năng khiếu nghệ thuật, nên đối tượng này đã được phép đăng ký tuyển dụng vào ngạch viên chức thuộc ngành văn hóa, nghệ thuật với tuổi đời phải đủ 15 tuổi và thực hiện ký hợp đồng làm việc đặc biệt và được quy định tại Nghị định số 116/2003/NĐ- CP ngày 10 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức trong các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước.

2.2. Tuổi nghề:

- Với tính đặc thù của biểu diễn nghệ thuật (diễn viên) nên thời gian hoạt động biểu diễn của nghệ sĩ, diễn viên rất ngắn khoảng từ 15 năm đến 20 năm; đến độ tuổi từ 30 đến 40 đối với nữ và 40 đến 45 đối với nam thì giọng hát, sức bền, độ dẻo dai, khả năng biểu diễn bị suy giảm không thể đáp ứng được đòi hỏi về chuyên môn của nghề biểu diễn như: xiếc đế trụ, uốn dẻo, múa balê, hát tuồng... Do đó, tuổi nghề của nghệ sĩ, diễn viên rất ngắn: 40 tuổi đối với nữ và 45 tuổi đối với nam.

- Các đối tượng khác hoạt động văn hóa, nghệ thuật thì tuổi nghề cao hơn.

2.3. Tuổi nghỉ hưu:

Theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội và Danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại nguy hiểm thì một số đối tượng lao động biểu diễn nghệ thuật (diễn viên) được giảm tuổi đời được hưởng chế độ hưu.

Ưu điểm:

Lao động biểu diễn nghệ thuật (diễn viên) được xếp vào lao động thuộc nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm được hưởng chế độ hưu, nếu:

- Nam từ đủ 55 tuổi đến đủ 60 tuổi, nữ từ đủ 50 tuổi đến đủ 55 tuổi và có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên mà trong đó có đủ 15 năm làm nghề hoặc công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

- Người lao động đã đóng bảo hiểm xã hội đủ 20 năm trở lên, bị suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên, được hưởng lương hưu với mức thấp hơn so với mức lương hưu của người đủ điều kiện khi thuộc một trong các trường hợp sau: nam đủ 50 tuổi trở lên, nữ đủ 45 tuổi trở lên; có đủ 15 năm trở lên làm nghề hoặc công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thì không kể tuổi đời.

Hạn chế và nguyên nhân:

- Do đặc thù của lao động biểu diễn nghệ thuật (diễn viên) là tuổi biểu diễn nghệ thuật ngắn, khả năng biểu diễn hạn chế khi tuổi lớn, nhưng sức khỏe và tuổi lao động vẫn còn theo quy định của pháp luật, nên việc bị suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên là khó thực hiện được đối với lao động biểu diễn nghệ thuật.

- Theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội thì chỉ thực hiện cho một số lao động biểu diễn nghệ thuật (diễn viên) đủ điều kiện theo quy định mới được hưởng lương hưu. Thực tế, hiện nay có nhiều diễn viên vẫn còn sức khỏe, không còn khả năng biểu diễn nghệ thuật, không đào tạo lại được, không bố trí được công việc khác, vẫn còn trong biên chế và hưởng lương lại không thuộc đối tượng được hưởng lương hưu theo quy định vì có tuổi đời: nam từ đủ 50 tuổi đến dưới 55 tuổi, nữ từ đủ 45 tuổi đến dưới 50 tuổi, đây là một khó khăn cho các đơn vị nghệ thuật không thể trẻ hóa được đội ngũ, không khuyến khích nghệ sĩ trẻ hăng say sáng tạo.

- Các đối tượng lao động hoạt động văn hóa nghệ thuật khác thực hiện theo quy định: nam đủ 60 tuổi, nữ đủ 55 tuổi và đóng đủ 20 năm bảo hiểm xã hội trở lên mới được hưởng chế độ hưu.

3. Chính sách nhà ở:

Trong chính sách chung của nhà nước, tới nay nhà nước không bao cấp nhà ở cho mọi đối tượng, bao gồm cả các văn nghệ sĩ. Do vậy, một số ít văn nghệ sĩ có quá trình đóng góp cho cách mạng hoặc công tác tại các cơ quan Nhà nước được quan tâm bố trí nhà ở theo tiêu chuẩn quy định của Nhà nước, nay nhà đã

xuống cấp. Nhiều văn nghệ sĩ chưa được cấp nhà hoặc còn gặp khó khăn về nhà ở. Do đặc thù của hoạt động VHNT, nhiều văn nghệ sĩ thường phải ở gắn liền với các đoàn nghệ thuật phục vụ cho công tác luyện tập, biểu diễn sáng tạo nghệ thuật. Song điều kiện ở rất khó khăn, hoặc không có nhà công vụ phải đi trọ, thuê nhà rất ảnh hưởng đến việc biểu diễn, đặc biệt là các nghệ sĩ trẻ hoặc những nghệ sĩ được điều chuyển từ địa phương về. Các văn nghệ sĩ chủ yếu tập trung ở các thành phố lớn, hầu hết các văn nghệ sĩ phải tự lo về nhà ở.

4. Bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan và chế độ nhuận bút:

4.1. Bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan đối với lĩnh vực VHNT:

Trong những năm qua, hoạt động bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan đã được Nhà nước đặc biệt quan tâm. Hoạt động nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện và thực thi pháp luật có những tiến bộ quan trọng. Quyền và lợi ích hợp pháp của các tác giả từng bước được bảo hộ. Nhiều cá nhân và tổ chức có quyền đã áp dụng các biện pháp để tự bảo vệ quyền của mình. Các tổ chức quản lý tập thể quyền tác giả đã được hình thành, bước đầu đã có các hoạt động tích cực, đáng khích lệ.

Tuy nhiên, tình trạng vi phạm bản quyền diễn ra ở hầu hết các lĩnh vực với các hình thức và mức độ khác nhau, nhất là trong lĩnh vực âm nhạc, văn học, chương trình máy tính, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, kỹ thuật số... Hiện tượng sách, băng đĩa lậu tràn lan trên thị trường.

Nguyên nhân của tình trạng nói trên chủ yếu là do nhận thức, hiểu biết, đặc biệt là ý thức chấp hành pháp luật về quyền tác giả và quyền liên quan của nhiều tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng còn nhiều hạn chế và chưa nghiêm túc; hệ thống thực thi quyền tác giả, quyền liên quan của các cấp chính quyền chưa đáp ứng yêu cầu bảo hộ theo quy định pháp luật.

4.2. Chế độ nhuận bút hiện hành được quy định tại Nghị định số 61/2002/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ và Thông tư liên tịch số 21/2003/ TTLT-BVHTT-BTC ngày 01 tháng 07 năm 2003 của liên tịch Bộ Văn hóa- Thông tin (trước đây) và Bộ Tài chính hướng dẫn việc chi trả chế độ nhuận bút, trích lập và sử dụng quỹ nhuận bút đối với một số loại hình tác phẩm quy định tại Nghị định số 61/2002/NĐ-CP.

Nghị định số 61/2002/NĐ-CP ngày 11/6/2002 của Chính phủ về chế độ Nhuận bút quy định khung nhuận bút chi trả cho các tác giả trong nhiều lĩnh vực. Tuy nhiên, hiện nay khung nhuận bút quy định tại Nghị định này đã lạc hậu, mức nhuận bút chi trả cho tác giả thấp, chưa đánh giá đúng và đủ công sức của người nghệ sĩ bỏ ra, do đó không khuyến khích được văn nghệ sĩ toàn tâm toàn ý sáng tác các tác phẩm và chương trình nghệ thuật chất lượng cao.

Do quy định nhuận bút tại Nghị định 61/2002/NĐ-CP không còn phù hợp, hiện nay nhiều địa phương, đơn vị không áp dụng khung nhuận bút này, mà theo thỏa thuận dân sự. Tuy nhiên với các tác phẩm VHNT được thực hiện bằng nguồn ngân sách nhà nước, Nghị định số 61/2002/NĐ-CP vẫn là căn cứ để chi trả tiền nhuận bút cho tác giả. Yêu cầu phải sửa đổi Nghị định số 61/2002/NĐ-CP cho phù hợp với thực tế trở nên cần thiết và cấp bách.

5. Chính sách đối với tài năng trẻ:

Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đánh giá cao và luôn coi trọng tài năng, thường xuyên quan tâm việc đào tạo, bồi dưỡng và trọng dụng người tài. Sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hoá đất nước đòi hỏi nguồn nhân lực cao trong mọi lĩnh vực, nhất là trong lĩnh vực lãnh đạo, quản lý, khoa học và công nghệ, sản xuất kinh doanh, văn hóa nghệ thuật, an ninh quốc phòng...

Trong thời gian qua, sự xuất hiện và phát triển của lực lượng sáng tác trẻ với những dấu hiệu, đặc điểm mới trên hầu hết các loại hình nghệ thuật đem đến một sinh khí mới, triển vọng phát triển mới đối với VHNT thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế.

Trong những năm qua, ngành giáo dục và đào tạo đã có nhiều cố gắng trong việc thực hiện nhiệm vụ nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực và bồi dưỡng tài năng, trong đó có lĩnh vực VHNT, góp phần tích cực vào sự nghiệp xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Tuy nhiên, công tác bồi dưỡng tài năng ở các cấp học còn chưa rõ nét và có những hạn chế như: phần lớn các trường đều thực hiện phương thức đào tạo theo lối dàn trải, bình quân, nhát loạt như nhau trong một chương trình đào tạo chung; không cập nhật thông tin và kiến thức mới phù hợp với thời đại và quốc tế; chưa có phương thức tích cực và chủ động để phát hiện và đào tạo, bồi dưỡng học sinh, sinh viên xuất sắc ngay từ lúc nhập trường; chưa chủ động xây dựng chính sách, cơ chế quản lý, kế hoạch, biện pháp thích hợp và đồng bộ cho đào tạo, bồi dưỡng sinh viên giỏi; việc đào tạo, bồi dưỡng liên tục qua các cấp học, đặc biệt là việc bố trí sử dụng và theo dõi sự phát triển của sinh viên tài năng sau giai đoạn đào tạo ở nhà trường hầu như chưa được quan tâm.

6. Xét tặng giải thưởng và danh hiệu nghệ sĩ trong lĩnh vực VHNT:

6.1. Xét tặng giải thưởng Hồ Chí Minh, giải thưởng Nhà nước:

Căn cứ Luật Thi đua-Khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua-Khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Nghị định số 121/2005/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua-Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua-Khen thưởng, ngày 27 tháng 7 năm 2007, Bộ Văn hóa-Thông tin đã ban hành Thông tư số 23/2007/TT-BVHTT ngày 27/7/2007 hướng dẫn xét tặng giải thưởng Hồ Chí

Minh và giải thưởng Nhà nước về VHNT. Thông tư này hướng dẫn các lĩnh vực VHNT được xem xét trao giải thưởng gồm: văn học, âm nhạc, sân khấu, mỹ thuật, nhiếp ảnh, múa, điện ảnh, văn nghệ dân gian, kiến trúc và văn hóa. Việc xét tặng giải thưởng được thực hiện với các tác giả là người Việt Nam có tác phẩm được công bố và sử dụng tại Việt Nam từ ngày 02 tháng 9 năm 1945 đến nay và tác giả là người nước ngoài có tác phẩm, công trình nghiên cứu về Việt Nam. Quyền lợi của người được tặng giải thưởng là được nhận Bằng chứng nhận Giải thưởng Hồ Chí Minh hoặc Giải thưởng Nhà nước về VHNT của Chủ tịch Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và được tặng mức tiền thưởng theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

6.2. Xét tặng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ sĩ Ưu tú:

- Thông tư 24/2007/TT-BVHTT ngày 27 tháng 7 năm 2007 của Bộ Văn hoá-Thông tin (nay là Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch) hướng dẫn về xét tặng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ sĩ Ưu tú. Các đối tượng được xét tặng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ sĩ Ưu tú bao gồm các đối tượng biểu diễn nghệ thuật như: diễn viên, đạo diễn, biên đạo múa và người chỉ đạo nghệ thuật trực tiếp, quay phim, họa sĩ, nhạc sĩ, phát thanh viên phát thanh và truyền hình hoạt động trong lĩnh vực VHNT và một số đối tượng khác. Người được phong tặng một trong hai danh hiệu nghệ sĩ trên được nhận Bằng chứng nhận và huy hiệu Nghệ sĩ Nhân dân/Nghệ sĩ Ưu tú và được tặng mức tiền thưởng (hoặc hiện vật kỷ niệm tương đương) trị giá 4 triệu đồng (đối với Nghệ sĩ Nhân dân) và 3 triệu đồng (đối với Nghệ sĩ Ưu tú).

- Bất cập trong trao giải: nhìn chung, chính sách xét tặng giải thưởng và danh hiệu nghệ sĩ hiện nay đã thể hiện được sự ghi nhận của Nhà nước, của cộng đồng đối với những đóng góp của các cá nhân, tập thể trong lĩnh vực VHNT, tôn vinh những thành quả lao động của văn nghệ sĩ. Các giải thưởng này có ý nghĩa lớn về mặt tinh thần trong khi mức thưởng vật chất kèm theo còn khá khiêm tốn, chỉ mang tính tượng trưng chứ chưa thật sự khuyến khích được văn nghệ sĩ nỗ lực phấn đấu sáng tạo và cống hiến.

6.3. Xét tặng giải thưởng của các Hội VHNT:

Hàng năm, các Hội VHNT có các giải thưởng khác nhau giành cho các tác phẩm VHNT. Các Hội VHNT 63 tỉnh, thành có hội trao giải thưởng hàng năm, có hội 3-5 năm mới trao giải một lần. Kinh phí trao giải của các hội 63 tỉnh thành phố được Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố cấp hàng năm. Mức trao giải thưởng cũng không đồng đều, tùy thuộc vào mức cấp kinh phí của mỗi tỉnh, thành.

Riêng 10 Hội VHNT chuyên ngành trung ương và Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội VHNT Việt Nam được ngân sách trung ương cấp kinh phí giải thưởng hàng năm và cấp cố định từ năm 1993 đến nay. Nhìn chung, kinh phí giải thưởng được sử dụng hiệu quả, hàng năm lựa chọn được những tác phẩm xứng đáng trong các lĩnh vực văn học, mỹ thuật, nhiếp ảnh, âm nhạc... giới thiệu với

công chúng, động viên khuyến khích văn nghệ sĩ tìm tòi lao động sáng tạo. Tuy nhiên, mức kinh phí giải thưởng còn thấp.

Giải thưởng hàng năm của Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội VHNT Việt Nam được hình thành từ năm 1993 nhằm tặng cho những tác phẩm xuất sắc thuộc các lĩnh vực: văn xuôi, thơ, lý luận phê bình văn học, mỹ thuật, âm nhạc, sân khấu, điện ảnh, nhiếp ảnh, kiến trúc, múa. Đối tượng dự thi gồm:

- Các tác giả cao tuổi (nam từ 70 tuổi trở lên, nữ từ 65 tuổi trở lên);
- Các tác giả địa phương do các Hội VHNT tỉnh, thành phố giới thiệu;
- Các tác giả trẻ (từ 35 tuổi trở xuống) do Hội VHNT địa phương giới thiệu.

Như vậy, giải thưởng này chủ yếu dành cho các tác giả đang hoạt động sáng tạo ở các tỉnh, thành phố chưa là Hội viên các Hội chuyên ngành Trung ương (trừ đối tượng tác giả cao tuổi là hội viên các Hội VHNT chuyên ngành Trung ương vẫn có quyền dự xét giải). Tổng kinh phí xét giải thưởng hàng năm là 300 triệu đồng với cơ cấu như sau:

- Cho tổ chức và chấm giải (sơ khảo và chung khảo): khoảng 25%
- Cho giải thưởng: khoảng 75%. Cơ cấu giải thưởng: Giải A: 8 triệu đồng, Giải B: 6 triệu đồng, Giải C: 4 triệu đồng, Giải tác giả cao tuổi: 4 triệu đồng, Giải tác giả trẻ: 2,5 triệu đồng, Giải khuyến khích: 2,5 triệu đồng.

Nhìn chung, các Hội VHNT đã sử dụng kinh phí giải thưởng để lựa chọn trao giải cho những tác phẩm VHNT xuất sắc. Tuy nhiên, do kinh phí giải thưởng còn thấp nên chưa khuyến khích được văn nghệ sĩ nhiệt tình hưởng ứng và nỗ lực sáng tạo. Ví dụ, Liên hiệp VHNT Thành phố Hồ Chí Minh nhiều năm không có tác phẩm dự xét giải trong khi đây lại là thành phố có nhiều tác phẩm xuất bản nhất hàng năm.

7. Vai trò của các Hội VHNT trong việc khuyến khích sáng tạo đối với các văn nghệ sĩ:

Liên hiệp các Hội VHNT (bao gồm các Hội VHNT chuyên ngành trung ương và các Hội VHNT tỉnh, thành phố) là tổ chức chính trị- xã hội- nghề nghiệp có chức năng tập hợp, động viên phát huy tiềm năng sáng tạo và phát triển đội ngũ văn nghệ sĩ.

Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị cũng nhấn mạnh: “Các Hội VHNT phải làm tốt vai trò tập hợp, đoàn kết phát huy tính chủ động, tích cực xã hội và tài năng sáng tạo của đội ngũ văn nghệ sĩ...”

Như vậy, mục đích tồn tại của các Hội VHNT là tạo điều kiện để có nhiều tác phẩm tốt, tác phẩm có chất lượng nghệ thuật cao ra đời.

Kinh nghiệm thực tiễn của nền văn học cách mạng Việt Nam hơn 60 năm qua (kể từ khi tổ chức Hội Văn nghệ Việt Nam được thành lập) đã khẳng định

rằng, Hội VHNT có vai trò rất quan trọng trong việc thúc đẩy các hoạt động sáng tạo của văn nghệ sĩ.

Với sự cởi mở và dân chủ của đời sống xã hội, hoạt động sáng tác, nghiên cứu, sưu tầm ở các Hội VHNT đã phát triển rộng rãi và đa dạng ở tất cả các bộ môn VHNT trên các vùng, miền trong cả nước.

IV. Hoạt động của các Quỹ hỗ trợ sáng tác VHNT tại Việt Nam:

1. Các quy định hiện hành về tổ chức và hoạt động của Quỹ:

Việc thành lập và hoạt động của các Quỹ có hoạt động hỗ trợ sáng tác VHNT tại Việt Nam hiện nay được điều chỉnh bởi các văn bản quy phạm pháp luật về việc tổ chức và hoạt động của Quỹ xã hội, từ thiện, cụ thể như sau:

- Nghị định số 148/2007/NĐ-CP ngày 25/9/2007 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của Quỹ xã hội, Quỹ từ thiện.

- Thông tư số 09/2008/TT-BNV ngày 31/12/2008 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 148/2007/NĐ-CP về tổ chức, hoạt động của Quỹ xã hội, Quỹ từ thiện.

- Quyết định số 10/2008/QĐ-BTC ngày 12/2/2008 của Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính Quỹ xã hội, Quỹ từ thiện.

2. Thực trạng các Quỹ có hoạt động hỗ trợ sáng tác văn học, nghệ thuật tại Việt Nam:

Thời gian qua, do yêu cầu phát triển từ tình hình thực tế, đã có một số Quỹ có hoạt động hỗ trợ sáng tác VHNT tại Việt Nam được thành lập như sau:

2.1. Quỹ Văn hóa: từ năm 1981 đã hình thành Quỹ Văn hóa

- Quỹ có nhiệm vụ sau:

+ Góp phần bảo vệ và phát huy các di sản văn hóa Việt Nam, các giá trị nghệ thuật truyền thống, chăm sóc và phát huy tài năng, khuyến khích phát triển các loại hình VHNT, sưu tầm giới thiệu các di sản văn hóa, nghệ thuật, những tinh hoa văn hóa thế giới; trao tặng một số giải thưởng định kỳ về VHNT; phát huy có hiệu quả các nhà sáng tác và điều dưỡng của văn nghệ sĩ.

+ Góp vốn cùng với các công ty, xí nghiệp và người sản xuất để sản xuất, hoạt động dịch vụ văn hóa.

+ Quỹ Văn hóa được phép giao dịch trực tiếp với các Quỹ Văn hóa hoặc các tổ chức tương đương ở nước ngoài.

+ Quỹ Văn hóa có trách nhiệm giúp đỡ Quỹ Văn hóa các địa phương về mặt nghiệp vụ, tạo mọi điều kiện thuận lợi để Quỹ Văn hóa địa phương sớm hình thành và phát triển ở những nơi có điều kiện.

- Nguồn kinh phí hoạt động của Quỹ Văn hóa:

+ Ngân sách Nhà nước cấp một khoản kinh phí trợ cấp ban đầu;

+ Các khoản kinh phí huy động được từ đóng góp của nhân dân và các tổ chức trong và ngoài nước;

+ Lợi nhuận do Quỹ liên kết, liên doanh sản xuất, dịch vụ văn hóa;

+ Tiền giải thưởng quốc tế, tặng phẩm quốc tế, các khoản ủng hộ của các đoàn nghệ thuật Việt Nam đi biểu diễn ở nước ngoài về.

Sau một thời gian hoạt động, năm 1995 Quỹ Văn hóa đã bị giải thể theo Quyết định số 2452/QĐ-BVHTT ngày 22 tháng 7 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa-Thông tin (trước đây) với lý do sau:

+ Quỹ không có vốn để hoạt động độc lập trong khi đó mục tiêu rất rộng như: ứng trước kinh phí cho các nghệ sĩ sáng tác; bổ sung nguồn vốn để xây dựng công trình văn hóa; làm Quỹ khen thưởng VHNT; bổ sung trợ cấp khó khăn cho nghệ sĩ; bảo tồn di sản văn hóa dân tộc. Tuy nhiên, do không có những bước đi cụ thể để đạt được những mục tiêu đề ra nên các hoạt động không hiệu quả, trong khi đó có sự trùng lặp với hoạt động của các Hội và đầu tư của nhà nước cho các lĩnh vực VHNT.

+ Quỹ Văn hóa chưa được điều hành hợp lý. Việc gây quỹ, marketing, điều hành, tổ chức, quản lý, kiểm tra còn bất cập, việc lựa chọn các dự án tài trợ còn dàn trải, bình quân.

+ Nguyên nhân thực tiễn khách quan: Những năm đầu thập kỷ 90 là giai đoạn khó khăn của ngành văn hóa khi mới chuyển đổi từ cơ chế bao cấp hoàn toàn sang cơ chế tự trang trải một phần kinh phí. Nhiều doanh nghiệp văn hóa, nhà hát, rạp chiếu phim lâm vào tình trạng khó khăn. Đầu tư cho văn hóa của cả khu vực nhà nước lẫn các khu vực khác chưa đáp ứng đủ nhu cầu.

2.2. Quỹ Hỗ trợ phát triển điện ảnh:

Luật Điện ảnh và Nghị định số 96/2007/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật Điện ảnh quy định cụ thể về Quỹ Hỗ trợ phát triển Điện ảnh như sau:

- Mục tiêu của Quỹ hỗ trợ phát triển điện ảnh do Thủ tướng Chính phủ thành lập để sử dụng cho các hoạt động:

+ Thưởng cho phim có giá trị tư tưởng, nghệ thuật cao, có hiệu quả xã hội theo điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ;

+ Hỗ trợ sản xuất phim thể nghiệm nghệ thuật, phim đầu tay trên cơ sở ý kiến tư vấn của Hội đồng thẩm định kịch bản văn học thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

+ Hỗ trợ cho việc đầu tư sáng tác kịch bản, mở trại sáng tác, tổ chức cho nghệ sĩ đi thực tế, hội thảo khoa học, hỗ trợ đào tạo cho cán bộ có năng lực, sinh viên xuất sắc đi học điện ảnh ở nước ngoài, quảng bá phim Việt Nam ra nước ngoài nhằm khuyến khích, thúc đẩy phát triển nền điện ảnh dân tộc.

- Nguồn kinh phí:

+ Ngân sách nhà nước;

+ Huy động đóng góp tự nguyện, tài trợ của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài và các nguồn thu nhập hợp pháp khác;

+ Nguồn thu bán phim từ các phim được Nhà nước tài trợ, đặt hàng.

2.3. Quỹ của các Hội VHNT:

Thông qua nguồn kinh phí hỗ trợ sáng tạo của Chính phủ theo Quyết định số 926/QĐ-TTg ngày 6 tháng 7 năm 2006, các Hội VHNT đã tự hình thành các Quỹ của riêng mình. Tuy nhiên, hiện nay, các Quỹ này còn hoạt động tự phát do chưa có chế tài quy định cụ thể.

Quỹ giải thưởng của UBTV Liên hiệp các Hội VHNT Việt Nam và của các Hội chuyên ngành trung ương chưa bao quát và động viên hết được các tác giả có đóng góp cho sự nghiệp VHNT ở các tỉnh và thành phố. Trong khi các Hội VHNT tỉnh, thành phố chưa có quỹ giải thưởng của Hội mình để xét trao giải thưởng hàng năm cho các tác giả của địa phương mình. Hiện nay, nhiều tỉnh, thành phố có đặt giải thưởng định kỳ 3 năm, 5 năm trao giải một lần. Kinh phí giải thưởng do UBND tỉnh cấp, là giải thưởng VHNT của tỉnh. Đó là sự quan tâm rất lớn của cấp uỷ và chính quyền địa phương những nơi đó nhưng không phải tỉnh nào, địa phương nào cũng làm được điều này. Có địa phương đã đặt ra giải thưởng của tỉnh do UBND tỉnh chủ trì (có Nghị quyết của tỉnh uỷ và HĐND tỉnh) mà gần 20 năm vẫn chưa trao giải thưởng VHNT của tỉnh cho một tác phẩm nào. Bên cạnh đó cũng còn một số địa phương chưa có giải thưởng của tỉnh và cũng không có giải thưởng của Hội.

(Tham khảo Phụ lục số 3: Giải thưởng văn học nghệ thuật các tỉnh, thành phố hiện nay)

2.4. Một số Quỹ tài trợ có vốn đầu tư nước ngoài:

2.4.1. Quỹ Hỗ trợ văn hóa vùng và dân tộc thiểu số Việt Nam:

- Giai đoạn hoạt động: 05 năm (2006-2010).

- Vốn đầu tư ban đầu: 2 triệu Euro Đan Mạch (khoảng 7 tỷ đồng) do Chính phủ Đan Mạch tài trợ.

- Thành viên sáng lập: Đại sứ quán Đan Mạch.

- Mục tiêu hoạt động: hỗ trợ bảo tồn các giá trị và bản sắc văn hóa truyền thống của các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Quỹ tập trung phát triển văn hóa cấp vùng, trong đó ưu tiên giúp các nghệ sĩ và đồng bào dân tộc thiểu số phát triển các giá trị văn hóa truyền thống và hỗ trợ họ tiếp cận nghệ thuật đương đại.

- Các hoạt động:

+ Tài trợ ít nhất 60 hoạt động mỗi năm tại các vùng được lựa chọn ở Việt Nam, với trọng tâm là duy trì và phát triển văn hóa vùng và văn hóa dân tộc thiểu số.

+ Hỗ trợ, thực hiện và quảng bá cho công chúng về các hoạt động nghệ thuật của các địa phương.

+ Tổ chức những sự kiện và lễ hội ở các địa phương và dân tộc thiểu số.

+ Bảo tồn di sản văn hóa địa phương và dân tộc thiểu số.

+ Giáo dục và đào tạo các nghệ sĩ dân tộc thiểu số thông qua những chương trình học bổng.

2.4.2. Quỹ phát triển và trao đổi văn hóa Đan Mạch-Việt Nam:

- Giai đoạn hoạt động: 05 năm 2006-2010.

- Vốn đầu tư ban đầu: 03 triệu euro Đan Mạch (khoảng 10,5 tỷ đồng) do Chính phủ Đan Mạch tài trợ.

- Thành viên sáng lập: Đại sứ quán Đan Mạch.

- Mục tiêu hoạt động: trợ giúp cho các nghệ sĩ và nhà hoạt động văn hoá đương đại tại Việt Nam và các hoạt động trao đổi văn hoá giữa Đan Mạch và Việt Nam.

- Các hoạt động:

+ Giới thiệu văn hóa Đan Mạch tại Việt Nam với mục đích hỗ trợ sự hiểu biết và trao đổi văn hóa giữa nghệ sĩ hai nước thông qua các dự án hợp tác của nghệ sĩ Đan Mạch và Việt Nam.

+ Giới thiệu văn hóa Việt Nam đến với công chúng Đan Mạch để truyền cảm hứng và giúp nhân dân Đan Mạch hiểu biết hơn về đối thoại và giao thoa văn hoá thông qua các các hoạt động biểu diễn và triển lãm tại Đan Mạch của các nghệ sĩ Việt Nam nói riêng hoặc thông qua các dự án hợp tác có sự tham gia của các đối tác Đan Mạch.

+ Quỹ cũng dành một phần nhất định để hỗ trợ sự phát triển nghệ thuật tại Việt Nam thông qua tài trợ các sự kiện và lễ hội văn hoá với sự tham gia của các nghệ sĩ Việt Nam hoặc kết hợp với các nghệ sĩ Đan Mạch.

+ Tổ chức một giải thưởng thường niên giành cho nghệ sĩ trẻ tài năng của Việt Nam.

2.4.3. Quỹ học bổng và văn hóa Việt Nam Kumho Asiana:

- Thời gian hoạt động: từ năm 2008

- Vốn đầu tư ban đầu: 2 triệu đô la Mỹ (tương đương 35 tỷ đồng) của tập đoàn Kumho Asiana (Hàn Quốc).

- Thành viên sáng lập: Tập đoàn Kumho Asiana phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Mục tiêu: tích cực tài trợ cho việc bồi dưỡng những nhân tài sẽ đảm đương những vai trò quan trọng trong công cuộc phát triển kinh tế và phát triển văn hóa xã hội của Việt Nam trong tương lai.

- Các hoạt động:

+ Tài trợ các hoạt động văn hóa nghệ thuật bao gồm tài trợ cho các môn nghệ thuật truyền thống dân tộc và trao tặng học bổng nhằm bồi dưỡng nhân tài của Việt Nam (từ năm 2008, mỗi năm có khoảng 100 sinh viên được nhận học bổng).

+ Tổ chức cuộc thi hùng biện tiếng Hàn Quốc hàng năm để cấp học bổng du học và tìm hiểu văn hóa Hàn Quốc cho sinh viên Việt Nam.

2.4.4. Quỹ Toyota Việt Nam:

- Giai đoạn hoạt động: 2005-2008

- Vốn đầu tư ban đầu: 4 triệu đô la Mỹ (tương đương 70 tỷ đồng) do Công ty Toyota Việt Nam đóng góp.

- Thành viên sáng lập: Công ty Toyota Việt Nam, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Văn hóa- Thông tin (cũ), nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Mục tiêu hoạt động: Tăng cường các hoạt động cộng đồng để phát triển văn hóa, xã hội, đặc biệt là cải tiến chất lượng giáo dục đào tạo và phát triển nguồn nhân lực tại Việt Nam.

- Các hoạt động:

+ Thực hiện chương trình “giáo dục an toàn giao thông cho khoảng 5 triệu học sinh tiểu học toàn quốc trong 03 năm (2005-2008) thông qua hình ảnh nhân vật hoạt hình Pokemon.

+ Tổ chức khóa học mang tên “Bí quyết thành công trong sản xuất kinh doanh” tại Đại học Bách Khoa Hà Nội.

+ Thực hiện chương trình “Hòa nhạc Toyota Concert” nhằm hỗ trợ nâng cấp Đoàn nhạc Giao hưởng Quốc gia Việt Nam đạt trình độ quốc tế.

+ Thực hiện chương trình "Học bổng Toyota" dành cho các sinh viên xuất sắc tại các trường đại học chuyên ngành kỹ thuật trên cả nước.

PHẦN THỨ BA

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC VÀ CÁC GIẢI PHÁP XÂY DỰNG CHẾ ĐỘ TÀI TRỢ, ĐẶT HÀNG ĐỐI VỚI CÁC TÁC PHẨM VĂN HỌC NGHỆ THUẬT, CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH SÁNG TÁC TRONG CÁC HOẠT ĐỘNG VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

I. Quan điểm:

1. Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để mọi tổ chức, cá nhân tham gia phát triển VHNT.
2. Phát triển VHNT phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế- xã hội của đất nước và xu hướng phát triển của thế giới.
3. Phát triển VHNT trên cơ sở hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật và tăng cường đầu tư kinh phí cho lĩnh vực.
4. Nhà nước thực hiện tài trợ kinh phí cho tổ chức, tác giả hoặc nhóm tác giả để tạo điều kiện và khuyến khích họ sáng tạo ra các tác phẩm VHNT có giá trị và phổ biến tác phẩm, công trình VHNT tới công chúng trên cơ sở cân đối giữa nhu cầu kinh phí và khả năng ngân sách.
5. Nhà nước đầu tư đặt hàng các tác phẩm, công trình VHNT để phục vụ nhiệm vụ chính trị và thực hiện chức năng quản lý xã hội. Tác phẩm, công trình VHNT đặt hàng được ngân sách nhà nước cấp 100% kinh phí để thực hiện.

II. Mục tiêu:

1. Tạo mọi điều kiện thuận lợi để đội ngũ văn nghệ sĩ sáng tạo ra nhiều tác phẩm có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật; phát hiện và khẳng định những giá trị mới làm phong phú và đa dạng đời sống văn hóa, văn nghệ; góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.
2. Từng bước hoàn thiện khung pháp lý đối với việc tài trợ, đặt hàng và khuyến khích sáng tác trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật.
3. Xây dựng chính sách đãi ngộ phù hợp, bình đẳng đối với văn nghệ sĩ trong các cơ sở công lập và ngoài công lập, bảo đảm cho văn nghệ sĩ tạo ra các tác phẩm văn học nghệ thuật có chất lượng; thực hiện chủ trương đẩy mạnh xã hội hóa của Đảng và Nhà nước.
4. Có chính sách đào tạo, bồi dưỡng và đãi ngộ đặc biệt với nhân tài của đất nước trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật.
5. Tôn trọng, phát huy dân chủ, tự do tư tưởng trong hoạt động sáng tạo văn học nghệ thuật, nghiên cứu, sưu tầm để tạo ra các tác phẩm văn học, công

trình nghệ thuật, gắn liền với phát huy trách nhiệm công dân của trí thức, văn nghệ sĩ.

6. Củng cố, đẩy mạnh hoạt động của các Hội văn học, nghệ thuật ở Trung ương và địa phương nhằm nâng cao khả năng tập hợp, phát huy tiềm năng sáng tạo và phát triển đội ngũ văn nghệ sĩ của Hội.

III. Nguyên tắc:

1. Văn nghệ sĩ được đảm bảo quyền lợi, sống bằng nghề, yên tâm gắn bó và cống hiến cho nền VHNT của nước nhà.

2. Văn nghệ sĩ được đãi ngộ theo tài năng, không phân biệt tuổi tác.

3. Đảm bảo đối xử bình đẳng giữa văn nghệ sĩ của đơn vị công lập và ngoài công lập.

4. Đảm bảo phù hợp với cam kết của Việt Nam với các nước, tổ chức quốc tế và các thông lệ quốc tế.

IV. Các giải pháp về xây dựng chính sách tài trợ, đặt hàng và khuyến khích sáng tác VHNT:

1. Các giải pháp chung:

Để thực hiện việc xây dựng chính sách và các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác tài trợ, đặt hàng và khuyến khích sáng tác VHNT cần tập trung vào các công việc sau:

- Đề xuất ban hành văn bản quy định về tài trợ, đặt hàng và khuyến khích sáng tác các tác phẩm VHNT, qua đó quy định rõ về tiêu chí, phương thức, loại hình... tài trợ, đặt hàng các tác phẩm VHNT.

+ Về tài trợ: Hàng năm Nhà nước thành lập Hội đồng thẩm định các tác phẩm VHNT có chất lượng cao để tài trợ kinh phí cho sáng tác và công bố tác phẩm. Cơ chế tài trợ sẽ được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình cấp có thẩm quyền quy định.

+ Đặt hàng: Hàng năm Nhà nước đưa ra những tiêu chí về đề tài, loại hình nghệ thuật cần đặt hàng sáng tác. Các Hội, các đơn vị, cá nhân có đề án, đề cương tác phẩm thực hiện tiêu chí đề ra đăng ký đặt hàng sáng tác. Cơ chế đặt hàng sẽ được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình cấp có thẩm quyền quy định.

- Tiếp tục sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các chính sách liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến tài trợ, đặt hàng các tác phẩm VHNT bao gồm: thành lập quỹ cải cách chính sách tiền lương và phụ cấp, chính sách bảo hiểm xã hội, chính sách nhà ở, bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan và chế độ nhuận bút; chính sách đối với tài năng trẻ, xét tặng giải thưởng và danh hiệu nghệ sĩ, quảng bá

VHNT, đầu tư thông qua chương trình mục tiêu quốc gia, huy động đóng góp của các tổ chức cá nhân trong nước và ngoài nước, thực hiện xã hội hoá..., cụ thể là:

- a) Tổ chức hợp lý các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật.
- b) Tăng cường công tác quản lý kinh phí đầu tư, tài trợ, đặt hàng
- c) Sử dụng hiệu quả nguồn ngân sách nhà nước, đẩy mạnh việc xã hội hóa để khuyến khích sáng tác, hỗ trợ và quảng bá các tác phẩm văn học, nghệ thuật.
- d) Đổi mới công tác đào tạo, đặc biệt là tài năng trẻ.
- đ) Tổ chức các cuộc thi sáng tác, hội thảo khoa học, biểu diễn, trưng bày các tác phẩm văn học, nghệ thuật, trao giải thưởng hàng năm cho các tác phẩm văn học, nghệ thuật có chất lượng cao; quảng bá hợp tác quốc tế, giao lưu và hội nhập với văn học, nghệ thuật thế giới.
- e) Nâng cao hiệu quả, vai trò của các Hội văn học, nghệ thuật trong việc tạo điều kiện, khuyến khích sáng tác, đẩy mạnh lý luận phê bình, quảng bá các tác phẩm của nghệ sĩ ở trong và ngoài nước.

2. Các giải pháp cụ thể:

2.1. Đề xuất một số nội dung cơ bản xây dựng văn bản quy định về tài trợ, đặt hàng và khuyến khích sáng tác các tác phẩm VHNT:

2.1.1. Về tài trợ, đặt hàng sáng tác các tác phẩm VHNT:

+ Về tài trợ: Nhà nước thực hiện tài trợ kinh phí cho các tổ chức, tác giả hoặc nhóm tác giả để sáng tạo ra các tác phẩm VHNT có giá trị tư tưởng và nghệ thuật cao từ khâu đầu tư sáng tác tới khâu công bố và phổ biến tác phẩm. Cơ chế tài trợ được thực hiện thông qua Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các Hội VHNT chuyên ngành trung ương và địa phương.

+ Về đặt hàng: Nhà nước đầu tư đặt hàng các tác phẩm, công trình VHNT để phục vụ nhiệm vụ chính trị và thực hiện chức năng quản lý xã hội. Tác phẩm, công trình VHNT đặt hàng được ngân sách nhà nước cấp 100% kinh phí để thực hiện và phổ biến tác phẩm. Bản quyền các tác phẩm, công trình VHNT đặt hàng thuộc về Nhà nước. Cơ chế đặt hàng được thực hiện thông qua Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các Hội VHNT chuyên ngành trung ương và địa phương.

+ Các đối tượng được tài trợ, đặt hàng bao gồm:

Các văn nghệ sĩ thuộc mọi thành phần kinh tế hoạt động trong lĩnh vực VHNT.

Các tổ chức có chức năng thực hiện sáng tạo tác phẩm VHNT.

2.1.2. Về khuyến khích sáng tác các tác phẩm VHNT:

i/ Khuyến khích đối với văn nghệ sĩ sáng tác trong lĩnh vực VHNT:

* Quy định về chế độ nhuận bút: các tổ chức, cá nhân sáng tạo tác phẩm VHNT được hưởng nhuận bút theo quy định hiện hành (Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 61/2002/NĐ-CP).

* Chế độ lương, thưởng, phụ cấp đối với Nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ sĩ Ưu tú:

- Được nhận tiền thưởng theo quy định hiện hành.

- Được xét nâng bậc lương trước niên hạn.

- Được hưởng phụ cấp danh hiệu: Mức phụ cấp đối với Nghệ sĩ Nhân dân bằng 100% lương tối thiểu/tháng; đối với Nghệ sĩ Ưu tú bằng 2/3 mức lương tối thiểu/tháng.

* Khuyến khích hoạt động sáng tác, biểu diễn, trình chiếu... các loại hình VHNT phục vụ thiếu niên, nhi đồng và đồng bào miền núi, vùng sâu, vùng xa.

ii/ Khuyến khích đối với tổ chức, doanh nghiệp tài trợ cho hoạt động sáng tạo VHNT:

Các tổ chức, doanh nghiệp tài trợ kinh phí cho hoạt động sáng tạo VHNT thì kinh phí tài trợ được tính vào chi phí của tổ chức, doanh nghiệp khi xác định thu nhập chịu thuế.

2.1.3. Chế độ thăm hỏi, hỗ trợ kinh phí đối với văn nghệ sĩ:

- Đối với các Nghệ sĩ Nhân dân và những người được Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước, có công với cách mạng khi đau ốm nặng được thăm hỏi, hỗ trợ kinh phí.

2.2. Tiếp tục sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các chính sách liên quan đến tài trợ, đặt hàng các tác phẩm VHNT:

2.2.1. Các chính sách đang được triển khai sửa đổi, bổ sung hoặc xây dựng mới:

a) Chính sách bảo hộ quyền tác giả:

Liên tịch Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ Tài chính ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn thực hiện việc mua bán quyền khi sử dụng tác phẩm VHNT để phục vụ lợi ích cộng đồng.

b) Tăng cường cơ sở vật chất cho VHNT:

Có quy hoạch, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, thiết chế văn hóa như: Nhà hát, rạp chiếu phim, nhà xuất bản, khu triển lãm, trung tâm văn hóa nghệ thuật.

c) Phát huy vai trò của các Hội VHNT:

Chính sách quan trọng và cấp bách hiện nay đối với văn nghệ sĩ là kiện toàn cơ cấu tổ chức của các Hội VHNT. Cần có quy định về mô hình tổ chức

theo tính chất đặc thù của mỗi Hội chuyên ngành Trung ương và mô hình tổ chức đối với các Hội VHNT địa phương của 63 tỉnh thành phố trong cả nước.

- Các Hội VHNT chuyên ngành Trung ương:

Các Hội VHNT chuyên ngành Trung ương được tách ra từ Liên hiệp các Hội VHNT Việt Nam, có bề dày hoạt động trên 50 năm, được Ban Bí thư trực tiếp chỉ đạo nên cơ cấu tổ chức được tạm hoàn thiện theo thời gian và nghiệp vụ hoạt động. Trong mỗi Hội có đặc thù hoạt động của riêng chuyên ngành nhưng vẫn cần có một quy chuẩn về cơ cấu tổ chức của mỗi Hội.

- Các Hội VHNT địa phương:

Sau khi tỉnh Hà Tây sáp nhập vào Hà Nội năm 2008, hiện nay còn 63 Hội VHNT tỉnh, thành phố. Hội VHNT địa phương được thành lập sớm nhất năm 1960 và Hội VHNT địa phương thành lập muộn nhất năm 2004. Tổ chức của các Hội VHNT địa phương do Ủy ban Nhân dân của các tỉnh thành lập, quy định số lượng biên chế đồng thời tài trợ kinh phí duy trì bộ máy công tác Hội và các hoạt động VHNT.

Do khả năng về ngân sách và nhận thức về hoạt động văn học, nghệ thuật của mỗi tỉnh, thành phố khác nhau nên cơ cấu Hội VHNT của các tỉnh, thành phố không thống nhất. Số biên chế của mỗi Hội rất khác biệt. Có Hội gồm 17, 18 biên chế do Tỉnh ủy, UBND đánh giá được vai trò của hoạt động văn học nghệ thuật vào đời sống chính trị- xã hội của tỉnh, có Hội chỉ gồm 3 hoặc 4 biên chế, không đủ người và kinh phí để triển khai các hoạt động văn học, nghệ thuật, thậm chí tên gọi các Hội và cả con dấu cũng không thống nhất.

Nguyên nhân trên dẫn đến việc tập hợp, đoàn kết văn nghệ sĩ cả nước còn hạn chế và hoạt động VHNT cả nước chưa được đồng đều. Lực lượng văn nghệ sĩ cả nước có tới gần 34 ngàn người, với sản phẩm lao động mang tính đặc thù, có ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống tinh thần xã hội nên các Hội VHNT, nhất là các Hội VHNT địa phương cần có tổ chức liên kết chặt chẽ từ Trung ương đến địa phương để thực hiện tốt đường lối do Đảng lãnh đạo.

2.2.2. Các chính sách tiếp tục được nghiên cứu, xem xét để giải quyết trong thời gian tới:

a) Chế độ Nhuận bút:

Do quá trình biến động của nền kinh tế thị trường, nhuận bút các tác phẩm VHNT ngày càng bất cập, chưa khuyến khích được đội ngũ văn nghệ sĩ tâm huyết với nghề. Vì vậy, cần sửa đổi Nghị định 61/2002/NĐ-CP của Chính phủ về chế độ nhuận bút cho phù hợp với đời sống VHNT hiện nay.

b) Chính sách đào tạo tài năng trẻ:

- Đề những nghệ sĩ trẻ có tài năng trên lĩnh vực VHNT được đào tạo cơ bản, đề nghị Chính phủ có chính sách và phân bổ chỉ tiêu đào tạo hàng năm cho lĩnh vực VHNT ở các trường đào tạo chuyên ngành trong và ngoài nước.

- Xây dựng chính sách để trẻ hóa đội ngũ cán bộ.

c) Giải thưởng đối với danh hiệu nghệ sĩ trong lĩnh vực VHNT:

- Giải thưởng đối với danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ sĩ Ưu tú:

Điều chỉnh mức tiền thưởng đối với danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ sĩ Ưu tú cho phù hợp với biến động về giá cả và mức tăng lương tối thiểu chung theo quy định của Nhà nước trong từng năm, đảm bảo sự ghi nhận của Nhà nước đối với các danh hiệu này. Tuy nhiên, việc điều chỉnh mức tiền thưởng này cần phải được nghiên cứu chung cho các đối tượng, bao gồm các đối tượng ở các lĩnh vực khác được điều chỉnh theo Luật Thi đua- Khen thưởng như Nhà giáo Nhân dân, Nhà giáo Ưu tú, Thầy thuốc Nhân dân, Thầy thuốc Ưu tú... Ngày 15 tháng 4 năm 2010, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 42/2010/NĐ-CP quy định chi tiết, thi hành một số Điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật Thi đua, Khen thưởng. Nghị định này thay thế Nghị định số 121/2005/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng. Đây là sự điều chỉnh kịp thời, thể hiện sự ghi nhận của Nhà nước đối với danh hiệu nghệ sĩ trong lĩnh vực VHNT.

- Giải thưởng hàng năm của các Hội VHNT:

Giải thưởng hàng năm cho các tác giả VHNT được trao hàng năm thông qua Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội VHNT Việt Nam; tuy nhiên việc trao giải thưởng này chưa được thể chế hóa thành quy định pháp lý. Đề nghị xây dựng Đề án về trao thưởng hàng năm cho các tác giả trên lĩnh vực VHNT. Trong đó xác định cụ thể loại hình giải thưởng, số tiền thưởng để có cơ sở thực hiện chung, tạo sự hưng phấn cho các nghệ sĩ sáng tạo.

d) Xác định đối tượng trong các loại hình VHNT được trao tặng giải thưởng Hồ Chí Minh và giải thưởng Nhà nước:

Đề nghị trong Nghị định hướng dẫn Luật Thi đua- Khen thưởng cần quy định rõ đối tượng được giải thưởng Hồ chí Minh, giải thưởng Nhà nước. Ví dụ: trong lĩnh vực Điện ảnh, tác giả và đạo diễn đều được xét tặng giải thưởng Hồ Chí Minh, giải thưởng Nhà nước; trong nghệ thuật múa biên đạo được xét tặng cả hai loại giải thưởng Hồ Chí Minh, giải thưởng Nhà nước; nhưng đối với lĩnh vực sân khấu thì chỉ có tác giả được xét tặng giải thưởng này mà không có đạo diễn, điều này đã gây nên những thắc mắc trong văn nghệ sĩ. Vì vậy đề nghị Chính phủ đưa cụ thể đối tượng được giải thưởng Hồ Chí Minh, giải thưởng Nhà nước vào Nghị định thực hiện Luật Thi đua- Khen thưởng.

đ) Tiếp tục đầu tư sáng tác cho các Hội VHNT và cơ quan báo hoặc tạp chí của các Hội VHNT:

- Tiếp tục đầu tư cho các Hội VHNT giai đoạn 2010-2015 theo Quyết định số 926/QĐ-TTg ngày 6 tháng 7 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ hỗ trợ hoạt động sáng tạo để thúc đẩy niềm say mê, kích thích sáng tạo của lực lượng văn nghệ sĩ.

- Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập hợp văn nghệ sĩ, tài năng trẻ, củng cố và ổn định cơ quan báo hoặc tạp chí của các Hội VHNT. Coi báo và tạp chí của Hội ngoài nhiệm vụ tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng còn là vườn ươm, nơi tạo dựng sự nghiệp, công bố tác phẩm VHNT cho văn nghệ sĩ.

e) Đầu tư kinh phí cho báo tạp chí, nhà xuất bản của các Hội VHNT:

Xây dựng đề án trình Chính phủ ban hành Nghị định về chính sách đầu tư kinh phí phù hợp cho tạp chí, báo, xuất bản của các Hội VHNT để các đơn vị này hoạt động ổn định, thực hiện chức năng phổ biến, tuyên truyền phục vụ chính trị.

KẾT LUẬN

Trong thời kỳ đổi mới, cùng với các lĩnh vực khác, VHNT đã nắm bắt được dòng mạch chính là chủ nghĩa yêu nước và nhân văn, gắn bó với dân tộc, phản ánh chân thật cuộc sống đấu tranh cách mạng và lao động sáng tạo của nhân dân, có nhiều tác phẩm tốt trong tất cả các loại hình nghệ thuật, thể hiện qua những đề tài lịch sử, chiến tranh cách mạng và những vấn đề thời sự của đất nước, phát hiện, khẳng định các nhân tố mới, tham gia cuộc đấu tranh lên án cái xấu, cái ác, sự biến chất, thoái hoá về nhân cách, đời sống và đạo đức trong một bộ phận xã hội.

Tuy nhiên, cùng với các thành tựu trên, hoạt động VHNT trong nền kinh tế thị trường cũng đã bộc lộ những hạn chế, yếu kém, đó là: thiếu hụt những tác phẩm mới phản ánh giai đoạn đổi mới, bám sát thực tiễn cuộc sống của đất nước và dân tộc, một bộ phận những người sáng tạo chạy theo những chủ đề câu khách, thị hiếu tầm thường, khu vực truyền bá VHNT bị thị trường chi phối, có lúc, có nơi bị mất định hướng, thiếu hụt đội ngũ sáng tạo, phê bình. Năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý còn bộc lộ nhiều bất cập, hạn chế; nội dung và phương thức lãnh đạo chậm đổi mới. Chưa lường hết được tác động phức tạp, tiêu cực của mặt trái kinh tế thị trường, dẫn tới sự lúng túng, thụ động khi định hướng và xử lý những vấn đề mới phát sinh. Việc thể chế hoá các nghị quyết, quan điểm của Đảng còn chậm; một số cơ chế, chính sách vẫn chưa được cụ thể hoá để thực hiện, trong đó có những chính sách đối với văn nghệ và văn nghệ sĩ đã lạc hậu nhưng chậm được sửa đổi. Chưa xây dựng được những công trình văn hoá, nghệ thuật tương xứng với vị thế của đất nước thời kỳ mới. Hệ thống các Hội VHNT chậm đổi mới nội dung và phương thức hoạt động.

Nghị quyết 23-NQ/TW của Bộ Chính trị dành sự quan tâm riêng cho VHNT đã thể hiện ý chí của Đảng đối với sự nghiệp phát triển VHNT trong bối cảnh thị trường, hội nhập quốc tế, đã thực sự khuyến khích nhiều lực lượng xã hội tham gia vào việc đầu tư, hỗ trợ phát triển VHNT. Qua đó đã nâng cao vai trò của VHNT để VHNT tiếp tục là “người lính” xung kích trên mặt trận tư tưởng, góp phần phát triển nền văn hóa Việt Nam tiến tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trong thời kỳ đổi mới.

Đề án “Xây dựng và rà soát các chế độ chính sách đối với các hoạt động VHNT và văn nghệ sĩ. Chế độ tài trợ, đặt hàng đối với các tác phẩm VHNT. Chính sách khuyến khích sáng tác trong các hoạt động VHNT” được thực hiện nhằm đề xuất từng bước kiện toàn hệ thống cơ chế chính sách phát triển văn học, làm bệ phóng cho nền VHNT Việt Nam trong giai đoạn tiếp theo đạt tới một tầm cao mới. Việc đề xuất sửa đổi, bổ sung chế độ chính sách đối với VHNT về cơ bản sẽ giải quyết được cơ bản chế độ chính sách đối với giới văn nghệ sĩ nói

chung như: vấn đề nhuận bút, vấn đề kiện toàn tổ chức của các hội VHNT... Tuy nhiên, trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế quốc tế hiện nay cùng những biến đổi sâu sắc về chính trị, bên cạnh những thuận lợi, đất nước ta đang gặp nhiều khó khăn nhất định về kinh tế nên cũng tác động không nhỏ tới việc thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ để khuyến khích, tạo điều kiện cho phát triển VHNT. Do vậy, xây dựng, sửa đổi các chính sách cũng như việc thực hiện các giải pháp nhằm khuyến khích sáng tác VHNT cần kịp thời nhận được sự chỉ đạo từ các Ban của Đảng, Chính phủ, sự phối hợp và hỗ trợ của các ngành, các cấp và các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực VHNT.

Cùng với việc từng bước hoàn thiện thể chế và tăng cường đầu tư cho VHNT, chắc chắn trong thời gian tới VHNT sẽ có những khởi sắc, xứng đáng là một bộ phận quan trọng và tinh tế của văn hóa góp phần củng cố và phát triển nền tảng tinh thần của xã hội./.

www.LuatVietnam.vn

PHẦN PHỤ LỤC

- Phụ lục số 1: Danh mục các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành về tài trợ đặt hàng đối với các tác phẩm văn học, nghệ thuật, khuyến khích sáng tác trong các hoạt động văn học, nghệ thuật và thành lập Quỹ sáng tác.
- Phụ lục số 2: Lộ trình xây dựng hoặc sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh hoạt động tài trợ, đặt hàng và khuyến khích sáng tác các tác phẩm văn học, nghệ thuật.
- Phụ lục số 3: Giải thưởng văn học nghệ thuật các tỉnh, thành phố hiện nay

www.LuatVietnam.vn

PHỤ LỤC SỐ 1

DANH MỤC CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH VỀ TÀI TRỢ ĐẶT HÀNG ĐỐI VỚI CÁC TÁC PHẨM VHNT, KHUYẾN KHÍCH SÁNG TÁC TRONG CÁC HOẠT ĐỘNG VHNT VÀ THÀNH LẬP QUỸ SÁNG TÁC

1. Luật Điện ảnh số 62/2006/QH11 ngày 12 tháng 7 năm 2006 của Quốc hội.
2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh số 31/2009/QH12 ngày 18/6/2009 của Quốc hội.
3. Luật Xuất bản số 30/2004/QH11 ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Quốc hội.
4. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xuất bản số 12/2008/QH12 ngày 12 tháng 6 năm 2008 của Quốc hội.
5. Luật Bảo hiểm xã hội số 71/2006/QH11 ngày 12 tháng 7 năm 2006 của Quốc hội.
6. Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 12 tháng 6 năm 2008 của Quốc hội.
7. Luật Thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 ngày 12 tháng 6 năm 2008 của Quốc hội.
8. Luật thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 ngày 5 tháng 12 năm 2007 của Quốc hội.
9. Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 12 tháng 12 năm 2005 của Quốc hội.
10. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ số 36/2009/QH12 ngày 19/6/2009 của Quốc hội.
11. Nghị định số 96/2007/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Điện ảnh.
12. Nghị định số 111/2005/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản.
13. Nghị định số 11/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 2 năm 2009 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 111/2005/NĐ-CP ngày 26 tháng 08 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản.

14. Nghị định số 152/2006/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc.
15. Nghị định 100/2006/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Dân sự, Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả và quyền liên quan.
16. Nghị định số 47/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2009 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan.
17. Nghị định số 116/2003/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức trong các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước.
18. Nghị định số 31/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.
19. Nghị định số 53/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển các cơ sở cung ứng dịch vụ ngoài công lập.
20. Nghị định 100/2008/NĐ-CP ngày 8 tháng 9 năm 2008 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân.
21. Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 05 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.
22. Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.
23. Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ về việc quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.
24. Nghị định số 61/2002/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ về chế độ Nhuận bút.
25. Nghị định số 148/2007/NĐ-CP ngày 25/9/2007 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của Quỹ xã hội, Quỹ từ thiện.
26. Nghị định 121/2005/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua- Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua- Khen thưởng.
27. Quyết định số 180/2006/QĐ-TTg ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Thủ

- tướng Chính phủ về chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề và bồi dưỡng đối với lao động biểu diễn nghệ thuật ngành văn hoá-thông tin.
28. Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hoá trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao, môi trường.
 29. Quyết định số 151/QĐ-TTg ngày 13 tháng 2 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ hoạt động sáng tạo tác phẩm, công trình VHNT, báo chí theo cơ chế Nhà nước đặt hàng.
 30. Quyết định số 926/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Đề án tiếp tục hỗ trợ hoạt động sáng tạo tác phẩm, công trình VHNT, báo chí ở trung ương và các Hội VHNT địa phương; hỗ trợ tác phẩm báo chí chất lượng cao ở địa phương giai đoạn 2006 - 2010.
 31. Quyết định số 256/2006/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch thực hiện sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.
 32. Quyết định số 39/2008/QĐ-TTg ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng Ngân sách Nhà nước.
 33. Quyết định 82/2005/QĐ-TTg ngày 18 tháng 4 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ ưu đãi đối với học sinh, sinh viên các bộ môn nghệ thuật truyền thống và đặc thù trong các trường văn hoá - nghệ thuật.
 34. Quyết định số 45/2008/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển nghệ thuật biểu diễn Việt Nam đến năm 2010.
 35. Quyết định số 125/2007/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa giai đoạn 2006-2010.
 36. Chỉ thị số 04/2007/CT-TTg ngày 22 tháng 2 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường bảo hộ quyền tác giả.
 37. Chỉ thị số 36/2008/CT-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý và thực thi quyền tác giả và quyền liên quan.
 38. Thông tư liên tịch số 52/2003/TTLT/BVHTT-BTC ngày 29 tháng 8 năm 2003 của Bộ VHTT-BTC hướng dẫn việc hỗ trợ hoạt động sáng tạo tác

- phẩm công trình văn học-nghệ thuật, báo chí theo cơ chế Nhà nước đặt hàng.
39. Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BVHTT-BTC ngày 14 tháng 6 năm 2007 của liên ngành Bộ Văn hóa-Thông tin (trước đây) và Bộ Tài chính hướng dẫn hỗ trợ tác phẩm báo chí chất lượng cao ở Trung ương và địa phương giai đoạn 2007-2010.
 40. Thông tư 135/2008/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 05 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hoá đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao, môi trường.
 41. Thông tư liên tịch số 13/2006/TTLT-BVHTT-BTC ngày 19 tháng 1 năm 2006 của Bộ Văn hoá-Thông tin và Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ ưu đãi đối với học sinh, sinh viên các bộ môn nghệ thuật truyền thống và đặc thù trong các trường văn hoá-nghệ thuật.
 42. Thông tư số 26/2006/TT-BVHTT ngày 21 tháng 2 năm 2006 của Bộ Văn hóa-Thông tin (trước đây) hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp độc hại, nguy hiểm và bồi dưỡng bằng hiện vật đối với cán bộ, công chức, viên chức ngành văn hóa, thông tin.
 43. Thông tư liên tịch số 94/2006/TTLT-BVHTT-BNV-BTC ngày 01 tháng 12 năm 2006 của Bộ Văn hoá-Thông tin, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 180/2006/QĐ-TTG ngày 09/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề và bồi dưỡng đối với lao động biểu diễn nghệ thuật ngành văn hoá-thông tin.
 44. Thông tư liên tịch số 29/2009/TT-BTC ngày 10 tháng 2 năm 2009 quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy chứng nhận Quyền tác giả, quyền liên quan.
 45. Thông tư liên tịch Bộ Văn hóa-Thông tin-Bộ Tài chính số 21/2003/TTLT-BVHTT-BTC ngày 1 tháng 7 năm 2003 hướng dẫn việc chi trả chế độ nhuận bút, trích lập và sử dụng Quỹ Nhuận bút đối với một số loại hình tác phẩm quy định tại Nghị định số 61/2002/NĐ-CP.
 46. Thông tư số 23/2007/TT-BVHTT ngày 27 tháng 7 năm 2007 của Bộ Văn hóa-Thông tin hướng dẫn xét tặng giải thưởng Hồ Chí Minh và giải thưởng Nhà nước về VHNT.
 47. Thông tư số 09/2008/TT-BNV ngày 31/12/2008 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 148/2007/NĐ-CP về tổ chức, hoạt động của Quỹ xã hội, Quỹ từ thiện.

48. Quyết định số 10/2008/QĐ-BTC ngày 12/2/2008 của Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính Quỹ xã hội, Quỹ từ thiện.

www.LuatVietnam.vn

PHỤ LỤC SỐ 2

LỘ TRÌNH XÂY DỰNG HOẶC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT ĐIỀU CHỈNH HOẠT ĐỘNG TÀI TRỢ, ĐẶT HÀNG VÀ KHUYẾN KHÍCH SÁNG TÁC CÁC TÁC PHẨM VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT

<i>STT</i>	<i>Tên công việc</i>	<i>Cơ quan chủ trì</i>	<i>Cơ quan phối hợp</i>	<i>Thời gian thực hiện</i>
1.	Nghị định của Chính phủ về đổi mới cơ chế hoạt động và cơ chế tài chính (trong đó có tiền lương) đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành văn hóa, thể thao và du lịch	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ Nội vụ, Bộ Lao động, thương binh và xã hội và các cơ quan có liên quan	Năm 2011-2012
2.	Nghị định của Chính phủ về hoạt động nghệ thuật biểu diễn	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các cơ quan có liên quan	Năm 2011
3.	Nghị định của Chính phủ về quản lý mỹ thuật	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các cơ quan có liên quan	Năm 2011
4.	Nghị định hướng dẫn thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ Tư pháp và các cơ quan có liên quan	Năm 2011
5.	Đề án trình Thủ tướng Chính phủ quyết định về việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, giảng viên trình độ cao trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật nhằm xây dựng đội ngũ chuyên gia đầu ngành về văn hóa, nghệ thuật	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ Giáo dục và đào tạo và các cơ quan có liên quan	Năm 2011
6.	Quyết định của Thủ	Bộ Văn	Các cơ quan có	Năm 2011

	tướng Chính phủ về Quy hoạch phát triển ngành mỹ thuật đến năm 2020.	hóa, Thể thao và Du lịch	liên quan	
7.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về quy hoạch trọng đại danh nhân	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các cơ quan có liên quan	Năm 2011
8.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo của các trường văn hóa, nghệ thuật	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ Giáo dục và đào tạo và các cơ quan có liên quan	Năm 2011
9.	Thông tư liên tịch hướng dẫn thực hiện giao kế hoạch, đặt hàng đấu thầu sản xuất phim, mua bản quyền phim bằng ngân sách Nhà nước	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan	Năm 2011
10.	Thông tư liên tịch hướng dẫn đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp hoạt động biểu diễn nghệ thuật sử dụng ngân sách nhà nước	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan	Năm 2011
11	Đề án trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển các tài năng trẻ trong lĩnh vực VHNT.	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ Giáo dục, đào tạo, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan	Năm 2011
12	Đề án trình Thủ tướng Chính phủ quyết định về việc, tài trợ, đầu tư đặt hàng sáng tác các tác phẩm VHNT cho các Hội VHNT giai đoạn 2011-2015 (trên cơ sở đánh giá	Ủy ban toàn quốc Liên Hiệp các Hội VHNT Việt Nam	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan	Năm 2011

	lại hiệu quả hỗ trợ hoạt động sáng tạo cho các Hội VHNT giai đoạn 2006-2010 theo Quyết định 926/QĐ-TTg ngày 6 tháng 7 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ)			
13	Đề án trình Thủ tướng Chính phủ quyết định về “Đưa việc giáo dục nghệ thuật truyền thống vào chương trình giáo dục tiểu học và trung học cơ sở”	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan có liên quan	Năm 2011

www.LuatVietnam.vn

PHỤ LỤC SỐ 3
GIẢI THƯỞNG VĂN HỌC NGHỆ THUẬT CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ
HIỆN NAY

Số TT	Hội VHNT	Tên Giải thưởng	Năm thành lập	Định kì trao giải	Tổng kinh phí	Ghi chú (Hạn chế, kiến nghị)
1	An Giang	<i>Giải thưởng VHNT An Giang</i>	2000	5năm/lần	Giải A: 30 triệu	- Giải thưởng của UBND tỉnh về VHNT
2	Bà Rịa - Vũng Tàu	<i>Giải thưởng VHNT Bà Rịa - Vũng Tàu</i>	1991	1991-2003 2004-2009 (5 năm/lần)	257 triệu 321 triệu	- Giải thưởng của UBND tỉnh về VHNT
3	Bạc Liêu	<i>Giải thưởng Cao Văn Lầu</i>	2009		Giải A: 15 triệu	- Giải thưởng của UBND tỉnh về VHNT
4	Bắc Giang	<i>Giải thưởng VHNT Sông Thương</i>	2002	5 năm/lần	100 triệu (đã trao giải lần II năm 2008).	- Giải thưởng của UBND tỉnh về VHNT.
5	Bắc Kạn	<i>Chưa thành lập giải thưởng</i>				
6	Bắc Ninh	<i>Chưa thành lập giải thưởng</i>				
7	Bến Tre	<i>Giải thưởng VHNT Nguyễn Đình Chiểu tỉnh Bến Tre</i>	2009	5 năm/lần	Không cố định, có tính đến trượt giá và nâng cao dân	Được Tỉnh uỷ, UBND tỉnh nhiệt tình ủng hộ.
8	Bình Dương	<i>Giải thưởng Huỳnh Văn Nghệ</i>	1995	5 năm/lần	250 triệu	- Giải thưởng của UBND tỉnh về VHNT.
9	Bình Định	<i>Giải thưởng Đào Tấn - Xuân Diệu</i>	1997	5 năm/lần	Tổng kinh phí lần 3 (2007) = 500 triệu, trong đó: - Giải A: 12 triệu - Giải B: 8 triệu - Giải KK: 5	- Giải thưởng của UBND tỉnh về VHNT. - Có nhiều dư luận sau mỗi lần xét giải: nếu bó hẹp giải thưởng cho thực chất tài năng, giải sẽ chỉ trao quanh quẩn cho một số tác giả gạo

					triệu	cội”, dư luận cho là không đồng viên được phong trào chung; nếu mở rộng nhiều giải, dư luận lại cho rằng mang tính mặt trận”, không có tác dụng tôn vinh, định hướng...
10	Bình Phước	<i>Chưa thành lập giải thưởng</i>				
11	Bình Thuận	<i>Giải Văn nghệ Dục Thanh</i>	1993	5 năm/lần	100 triệu (2005), trong đó: - Giải A: 7 triệu - Giải B: 5 triệu - Giải C: 3 triệu	- Giải thưởng của UBND tỉnh về VHNT
12	Cà Mau	<i>Giải thưởng Phan Ngọc Hiến</i>	2005	5 năm/lần	288.125 triệu	- Giải thưởng của UBND tỉnh về VHNT.
13	Cao Bằng	<i>Giải thưởng Pác Bó</i>	2003	3 năm/lần	45 triệu	- Giải thưởng của UBND tỉnh về khoa học kỹ thuật, khoa học xã hội và nhân văn. - Quy chế giải thưởng chưa phù hợp: xây dựng 3 giải (giải đặc biệt, giải xuất sắc và giải khuyến khích), do đó, HĐGT cấp cơ sở (Hội) còn khá lúng túng, vì rất khó đánh giá, xếp loại giải.
14	Cần Thơ	<i>Giải thưởng VHNT Bùi Hữu Nghĩa</i>	2010	4 năm/lần		- Giải thưởng của UBND tỉnh về VHNT - Lần đầu xét từ 1945 - 2010
15	Đà Nẵng	<i>Giải thưởng VHNT Tp. Đà Nẵng</i>	2002	5 năm/lần	Căn cứ vào chất lượng các tác phẩm- công trình VHNT: - Giải A: 20 triệu	- Giải thưởng của UBND tỉnh về VHNT. - Hạn chế: Các Hội chuyên ngành chưa tập hợp hết và đề xuất những tác phẩm

						<ul style="list-style-type: none"> - Giải B: 15 triệu - Giải C: 10 triệu - Giải KK: 5 triệu 	<p>tiêu biểu của chuyên ngành; Cơ cấu thành phần Hội đồng chấm giải (cấp thành phố) không thuộc các chuyên ngành VHNT, có tính chất mặt trận ảnh hưởng đến chất lượng của giải.</p> <p>- Đề xuất: UBND nên thống nhất sườn giải thưởng ở địa phương.</p>
16	Đak Lak	<i>Giải thưởng VHNT Chư Yang Sin</i>		5 năm/lần			- Giải thưởng của UBND tỉnh về VHNT (lần 1 năm 2010)
17	Đak Nông	<i>Chưa có giải thưởng về VHNT.</i>					
18	Đồng Nai	<i>Chưa có giải thưởng về VHNT.</i>					
19	Đồng Tháp	<i>Giải thưởng VHNT Nguyễn Quang Diêu</i>	2005	5 năm/lần	780 triệu (đã trao lần 1)		<ul style="list-style-type: none"> - Giải thưởng của UBND tỉnh về VHNT. - Tác phẩm dự thi của tác giả trên khắp cả nước sáng tác về Đồng Tháp.
20	Điện Biên	<i>Giải thưởng VHNT Điện Biên Phủ</i>	2009	5 năm/lần	210 triệu		- Giải thưởng của UBND tỉnh về VHNT.
21	Gia Lai	<i>Giải thưởng VHNT Gia Lai</i>	2004	5 năm/lần	350 triệu		<ul style="list-style-type: none"> - Giải thưởng của UBND tỉnh về VHNT. - Kiến nghị: Hội chuyên ngành trung ương cần cử ít nhất là một thành viên trong HĐNT tham gia cùng HĐNT của tỉnh để xét giải; Giải thưởng đã đạt được trong các cuộc thi, các Hội chuyên ngành nên là một trong những tiêu chí để xét giải; nên tăng giá trị giải thưởng.

22	Hà Giang	<i>Giải thưởng Tây Côn Lĩnh</i>		5 năm/lần		- Giải thưởng của UBND tỉnh về VHNT
23	Hà Nam	<i>Giải thưởng Nguyễn Khuyến</i>		5 năm/lần		- Giải thưởng của UBND tỉnh về VHNT
24	Hà Nội	<i>Giải thưởng VHNT Thăng Long</i>				
25	Hậu Giang	<i>Chưa có giải thưởng về VHNT.</i>				
26	Hà Tĩnh	<i>Giải thưởng VHNT Nguyễn Du</i>	1998	5 năm/lần	Tuỳ theo đợt. Lần thứ IV = 120 triệu, lần thứ V (dự kiến cuối 2010) dự trù 200 triệu.	Giải thưởng của UBND tỉnh về VHNT.
27	Hải Dương	<i>Giải thưởng VHNT Côn Sơn - Hải Dương</i>	1985	5 năm/lần		- Giải thưởng của UBND tỉnh về VHNT
28	Hải Phòng	- <i>Giải thưởng VHNT Nguyễn Bình Khiêm.</i> - <i>Giải thưởng VHNT Nguyễn Hồng.</i>	2000 2008	5 năm/lần 2 năm/lần	53 triệu	- Giải thưởng của UBND thành phố về VHNT. - Hàng năm Hội còn tổ chức trao giải thưởng cho cuộc thi và triển lãm ảnh nghệ thuật; Tạp chí Cửa Biển của Hội cũng trao tặng thưởng cho tác phẩm hay thuộc các thể loại in trên tạp chí. - Hạn chế: số lượng, cơ cấu và giá trị vật chất của giải còn thấp, không phù hợp với 9 Hội chuyên ngành thuộc Hội.
29	Hoà Bình	<i>Giải thưởng về VHNT</i>		Không định kì	Không cố định	- Giải thưởng của UBND tỉnh. - Không thành thông lệ nên không có năm thành lập; không định kì trao giải, chỉ trao vào những năm

						có sự kiện chính trị lớn của tỉnh (khi có đề xuất của Hội VHNT).
30	Hung Yên	<i>Giải thưởng VHNT Phố Hiến</i>		5 năm/lần		- Giải thưởng của UBND tỉnh về VHNT
31	Tp. Hồ Chí Minh					
32	Khánh Hoà	- <i>Giải thưởng VHNT Khánh Hoà.</i> - <i>Giải thưởng VHNT Khánh Hoà</i>	2001 2006	1 năm/lần 5 năm/lần		- Giải thưởng của UBND tỉnh về VHNT.
33	Kiên Giang					- Từ năm 2000 đến nay, Hội VHNT có xây dựng đề án và đề nghị UBND tỉnh nhưng chưa được sự chấp nhận của UBND tỉnh.
34	Kon Tum	<i>Chưa có giải thưởng về VHNT.</i>		Dự kiến 5 năm/lần	Chưa xác định. Tỉnh đã nhất trí về chủ trương nhưng Sở Tài chính không phân bổ được.	
35	Lai Châu	<i>Chưa có giải thưởng về VHNT.</i>				
36	Lạng Sơn	<i>Giải thưởng VHNT Hoàng Văn Thụ</i>	1994	5 năm/lần	Tổng kinh phí cho giải thưởng lần thứ III (11/2009) là 349.700.000đ	- Giải thưởng của UBND tỉnh về VHNT - Hạn chế: Việc thực hiện quy chế GT chưa liên tục, từ 1994 đến 2009 mới tổ chức được lần thứ 3.
37	Lào Cai	- <i>Giải thưởng Văn nghệ Lào Cai.</i> - <i>Giải thưởng VHNT Phan Xi Păng</i>	1992 2002	1 năm/lần 5 năm/lần	32.900.000đ (7 chuyên ngành) 153 triệu (9 chuyên ngành)	- Giải thưởng của UBND tỉnh về VHNT. - Từ khi thành lập đến nay chưa có sự thay đổi về mức kinh phí, nhất là kinh phí giải thưởng hàng năm thấp.
38	Lâm Đồng	<i>Chưa có giải thưởng về VHNT.</i>				

39	Long An	<i>Văn học nghệ thuật Nguyễn Thông</i>	2001	4 năm/lần		
40	Nam Định	<i>Giải thưởng Lương Thế Vinh</i>		5 năm/lần		- Giải thưởng của UBND tỉnh về VHNT
41	Nghệ An	<i>Giải thưởng Hồ Xuân Hương</i>	1997	5 năm/lần	Tăng lên theo mỗi kì trao giải, năm 2006 = 861 triệu, trong đó: - Giải A: 20 triệu - Giải B: 15 triệu - Giải C: 10 triệu - KK: 5 triệu - Tặng phẩm: 4 triệu	- Giải thưởng của UBND tỉnh về VHNT.
42	Ninh Bình	<i>Giải thưởng Trương Hán Siêu</i>		5 năm/lần	Đã trao 3 lần	- Giải thưởng của UBND tỉnh về VHNT
43	Ninh Thuận	<i>Chưa thành lập Giải thưởng</i>				- Giải thưởng của UBND tỉnh về VHNT
44	Phú Thọ	- <i>Giải thưởng VHNT Hùng Vương.</i> - <i>Giải thưởng VHNT hàng năm</i>	1985 2009	5 năm/lần Hàng năm	250 triệu (2005 - 2010) 30 triệu đồng	- Giải thưởng của UBND tỉnh về VHNT
45	Phú Yên	<i>Giải thưởng VHNT Phú Yên</i>		5 năm/lần		- Giải thưởng của UBND tỉnh về VHNT
46	Quảng Bình	<i>Giải thưởng Lưu Trọng Lu</i>				UBND tỉnh đã trao 3 lần
47	Quảng Nam	<i>Chưa có giải thưởng về VHNT.</i>				
48	Quảng Ngãi	<i>Giải thưởng Văn học nghệ thuật Quảng Ngãi</i>	2010	5 năm/lần	250 triệu	- Giải thưởng của UBND tỉnh về VHNT
49	Quảng Ninh	<i>Giải thưởng Hạ Long</i>		5 năm/lần		- Giải thưởng của UBND tỉnh về

						VHNT
50	Quảng Trị	<i>Giải thưởng sáng tạo VHNT hàng năm</i>	2002	Hàng năm	25 triệu - Giải Nhất: 1.500.000 - Giải Nhì: 1.000.000 - Giải Ba: 600.000 - Giải KK: 300.000	- Giải thưởng có tính khuyến khích sự sáng tạo của Hội viên. - Hạn chế: Giải thưởng không cao.
51	Sóc Trăng	<i>Chưa có giải thưởng về VHNT.</i>				
52	Sơn La	<i>Chưa có giải thưởng về VHNT</i>				Đề nghị tỉnh thành lập Hội đồng Giải thưởng và tỉnh đã đồng ý. Sẽ thực hiện trong thời gian tới.
53	Tây Ninh	<i>Giải thưởng VHNT Xuân Hồng (dự kiến)</i>	2010 (dự kiến)	5 năm/lần	391,5 triệu	- Giải thưởng của UBND tỉnh về VHNT. - Hội đã công văn trình UBND tỉnh về việc xét duyệt thành lập giải thưởng nhưng vẫn chưa hoàn tất các khâu chuẩn bị cho giải thưởng.
54	Thái Bình	<i>Giải thưởng Lê Quý Đôn</i>	1981	5 năm/lần	153 triệu (giải thưởng lần thứ IV năm 2002), trong đó: - Giải Nhất: 5.000.000đ - Giải Nhì: 3.000.000đ - Giải Ba: 2.000.000đ	- Giải thưởng của UBND tỉnh về VHNT. - Hạn chế: Quyết định giải thưởng của UBND tỉnh ra từ năm 1981 đến nay không còn phù hợp. Giải thưởng 5 năm/lần nhưng giá trị giải thưởng không cao.
55	Thái Nguyên	<i>Giải thưởng VHNT tỉnh Thái Nguyên</i>	1992	5 năm/lần	60 triệu	- Giải thưởng của UBND tỉnh về VHNT.
56	Thanh Hóa	<i>Giải thưởng VHNT tỉnh Thanh Hóa</i>	1994	5 năm/lần	Năm 2000 = 100 triệu, trong đó: - Giải A: 5 triệu - Giải B: 3 triệu - Giải C: 2 triệu	- Giải thưởng của UBND tỉnh về VHNT. - Quy chế về giá trị giải không được thay đổi, không tính đến trượt giá nên ảnh hưởng sự động viên

					triệu	đối với văn nghệ sỹ.
57	Thừa Thiên Huế	<i>Văn học nghệ thuật cổ đô</i>	1993	5 năm/lần	Kì trao giải thứ IV (2008) = 268 triệu, trong đó: - Giải Nhất: 15 triệu - Giải Nhì: 10 triệu - Giải Ba: 6 triệu - Giải KK: 5 triệu	- Giải thưởng của UBND tỉnh về VHNT. - Quy chế, thể lệ giải thưởng chưa phù hợp với một số loại hình nghệ thuật, do đó chưa thoả đáng trong quá trình tổ chức xét giải; cơ cấu và số lượng giải chưa tương xứng với phong trào VHNT của tỉnh; đối tượng và thể loại, loại hình VHNT tham gia còn nhiều hạn chế và bất cập.
58	Tiền Giang	<i>Giải VHNT Thủ khoa Huân</i>	2010	5 năm/lần	Chưa xác định	- Giải thưởng của UBND tỉnh về VHNT
59	Trà Vinh	<i>Chưa có giải thưởng về VHNT.</i>				
60	Tuyên Quang	<i>Giải thưởng Tân Trào</i>	1993	2 năm/lần	Chưa xác định	Chưa trao lần nào
61	Vĩnh Long	<i>Giải thưởng VHNT định kì hàng năm</i>	2009	1 năm/lần	40 triệu đồng	- Giải thưởng của UBND tỉnh về VHNT
62	Vĩnh Phúc	<i>Giải thưởng VHNT Vĩnh Phúc</i>		5 năm/lần	Giải A: 10 triệu	Đã xét trao giải 3 đợt
63	Yên Bái	<i>Giải thưởng về VHNT tỉnh Yên Bái</i>	1993	1 năm/lần	62 triệu (2009)	- Giải thưởng của UBND tỉnh về VHNT. - Giá trị giải thưởng cao nhất 3 triệu đồng.

T. Nhân